

VIỆN HÀN LÂM  
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM  
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

*Nguyễn Hồng Hiệp*

**BẢO ĐẢM PHÁP LÝ TỔ TỤNG HÌNH SỰ  
ĐỐI VỚI VIỆC THỰC HIỆN QUYỀN CON NGƯỜI  
ĐỐI VỚI BỊ CÁO TRONG XÉT XỬ SƠ THẨM VỤ ÁN  
HÌNH SỰ TỪ THỰC TIỄN TỈNH BÌNH THUẬN**

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

HÀ NỘI, năm 2018

VIỆN HÀN LÂM  
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM  
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

Nguyễn Hồng Hiệp

**BẢO ĐẢM PHÁP LÝ TỔ TỤNG HÌNH SỰ  
ĐỐI VỚI VIỆC THỰC HIỆN QUYỀN CON NGƯỜI  
ĐỐI VỚI BỊ CÁO TRONG XÉT XỬ SƠ THẨM VỤ ÁN  
HÌNH SỰ TỪ THỰC TIỄN TỈNH BÌNH THUẬN**

Chuyên ngành: Luật hình sự và Tổ tụng hình sự

Mã số: 8.38.01.04

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC:  
TS. ĐINH THỊ MAI

HÀ NỘI, năm 2018

## LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các số liệu nêu trong Luận văn là trung thực. Kết quả nghiên cứu nêu trong Luận văn chưa từng được ai công bố trong bất kỳ công trình nào khác.

TÁC GIẢ LUẬN VĂN

Nguyễn Hồng Hiệp

## MỤC LỤC

|                                                                                                                                                                                        |           |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|
| <b>MỞ ĐẦU .....</b>                                                                                                                                                                    | <b>1</b>  |
| <b>Chương 1: LÝ LUẬN CHUNG VỀ BẢO ĐẢM PHÁP LÝ TỔ TỤNG HÌNH SỰ ĐỐI VỚI VIỆC THỰC HIỆN QUYỀN CON NGƯỜI ĐỐI VỚI BỊ CÁO TRONG XÉT XỬ SƠ THẨM VỤ ÁN HÌNH SỰ .....</b>                       | <b>11</b> |
| 1.1. Khái niệm quyền con người của bị cáo trong xét xử sơ thẩm vụ án hình sự.....                                                                                                      | 11        |
| 1.2. Khái niệm bảo đảm pháp lý tổ tụng hình sự đối với việc thực hiện quyền con người đối với bị cáo trong xét xử sơ thẩm vụ án hình sự.....                                           | 15        |
| 1.3. Nội dung của bảo đảm pháp lý tổ tụng hình sự đối với việc thực hiện quyền con người đối với bị cáo trong xét xử sơ thẩm vụ án hình sự.....                                        | 17        |
| 1.4. Các yếu tố bảo đảm pháp lý tổ tụng hình sự đối với bị cáo trong xét xử sơ thẩm vụ án hình sự .....                                                                                | 27        |
| <b>Chương 2: THỰC TRẠNG BẢO ĐẢM PHÁP LÝ TỔ TỤNG HÌNH SỰ ĐỐI VỚI VIỆC THỰC HIỆN QUYỀN CON NGƯỜI ĐỐI VỚI BỊ CÁO TRONG XÉT XỬ SƠ THẨM VỤ ÁN HÌNH SỰ TỪ THỰC TIỄN TỈNH BÌNH THUẬN.....</b> | <b>36</b> |
| 2.1. Tổng quan về tình hình xét xử sơ thẩm án hình sự trên địa bàn tỉnh Bình Thuận.....                                                                                                | 36        |
| 2.2. Thực trạng bảo đảm pháp lý tổ tụng hình sự đối với việc thực hiện quyền con người đối với bị cáo trong xét xử sơ thẩm vụ án hình sự trên địa bàn tỉnh Bình Thuận.....             | 40        |
| 2.3. Thực trạng các yếu tố bảo đảm pháp lý Tổ tụng hình sự đối với bị cáo trong xét xử sơ thẩm hình sự trên địa bàn tỉnh Bình Thuận.....                                               | 50        |
| <b>Chương 3: TĂNG CƯỜNG BẢO ĐẢM PHÁP LÝ TTHS ĐỐI VỚI VIỆC THỰC HIỆN QUYỀN CON NGƯỜI ĐỐI VỚI BỊ CÁO TRONG XÉT XỬ SƠ THẨM VỤ ÁN HÌNH SỰ .....</b>                                        | <b>58</b> |

|                                                                                                                                                                                                            |           |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|
| 3.1. Định hướng và quan điểm của Đảng và Nhà nước về vấn đề bảo đảm pháp lý tố tụng hình sự đối với việc thực hiện quyền con người đối với bị cáo .....                                                    | 58        |
| 3.2. Giải pháp hoàn thiện và hướng dẫn áp dụng pháp luật nhằm tăng cường bảo đảm pháp lý tố tụng hình sự đối với việc thực hiện quyền con người đối với bị cáo trong xét xử sơ thẩm vụ án hình sự .....    | 61        |
| 3.3. Giải pháp về mặt tổ chức, cơ chế thực hiện.....                                                                                                                                                       | 66        |
| 3.4. Giải pháp nâng cao nhận thức, năng lực thực hiện của các chủ thể trong bảo đảm pháp lý tố tụng hình sự đối với việc thực hiện quyền con người đối với bị cáo trong xét xử sơ thẩm vụ án hình sự ..... | 69        |
| <b>KẾT LUẬN .....</b>                                                                                                                                                                                      | <b>76</b> |
| <b>DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO</b>                                                                                                                                                                         |           |

## **DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT**

|       |   |                        |
|-------|---|------------------------|
| BLHS  | : | Bộ luật hình sự        |
| CQĐT  | : | Cơ quan điều tra       |
| ĐTV   | : | Điều tra viên          |
| HĐXX  | : | Hội đồng xét xử        |
| KSV   | : | Kiểm sát viên          |
| TTHS  | : | Tổ tụng hình sự        |
| VAHS  | : | Vụ án hình sự          |
| VKS   | : | Viện kiểm sát          |
| VKSND | : | Viện kiểm sát nhân dân |
| XHCN  | : | Xã hội chủ nghĩa       |

## **MỞ ĐẦU**

### **1. Tính cấp thiết của đề tài**

Quyền con người là kết quả của quá trình đấu tranh, phát triển lâu dài của tất cả các dân tộc, nhân dân trên toàn thế giới. Quyền con người có sự tác động mạnh mẽ tới các quan hệ chính trị, pháp lý, xã hội ở tất cả các cấp độ quốc gia, khu vực và quốc tế. Nó không chỉ là nhận thức, là quan điểm mà được thể hiện bằng các quy phạm pháp luật được các quốc gia thừa nhận chung, phản ánh quy luật và hướng tất yếu của xã hội loài người cũng như sự hình thành các cơ chế bảo đảm để quyền con người được thực thi trên thực tế.

Tại Việt Nam, việc bảo vệ và thúc đẩy quyền con người là mục tiêu nhất quán của Đảng và Nhà nước ta từ trước đến nay. Việt Nam luôn tích cực tham gia các Điều ước và hoạt động về quyền con người của Liên Hợp Quốc. Đồng thời quyền con người được bảo đảm bằng các quy định cụ thể trong Hiến pháp và pháp luật, đây là một trong những nội dung và cũng là mục đích của xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN ở nước ta.

Việc bảo vệ quyền con người, đặc biệt là trong lĩnh vực TTTHS có một ý nghĩa đặc biệt quan trọng vì hoạt động TTTHS là nơi các biện pháp cưỡng chế Nhà nước được áp dụng phổ biến nhất, trong lĩnh vực này, quyền con người dễ bị xâm phạm, dễ bị tổn thương và có thể gây ra những hậu quả nghiêm trọng về vật chất, thể chất lẫn tinh thần.

Trong các giai đoạn TTTHS thì xét xử, đặc biệt là xét xử sơ thẩm vụ án hình sự được xem là giai đoạn trung tâm và quyết định của toàn bộ quá trình TTTHS. Trong giai đoạn này, Tòa án áp dụng các biện pháp cần thiết do luật định để kiểm tra lại tính hợp pháp và có căn cứ của toàn bộ các quyết định mà CQĐT và VKS đã ban hành trước khi chuyển vụ án sang Tòa án, nhằm loại trừ các hậu quả tiêu cực do sơ suất, sai lầm. Đồng thời trên cơ sở kết quả tranh luận công khai và dân chủ tại phiên tòa để ra bản án, quyết định một

cách công minh và đúng pháp luật, có căn cứ và đảm bảo sức thuyết phục, quan trọng để tăng cường pháp chế, bảo vệ các quyền và tự do của công dân, góp phần có hiệu quả vào cuộc đấu tranh phòng và chống tội phạm. Chính vì vậy, Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020 đã xác định “*Tòa án có vị trí trung tâm và xét xử là hoạt động trọng tâm*” trong quá trình cải cách tư pháp.

Trong những năm qua, quyền con người đối với bị cáo trong xét xử sơ thẩm vụ án hình sự được bảo đảm. Các quy định của Bộ luật TTHS năm 2003 là cơ sở pháp lý quan trọng, đã và đang phát huy vai trò tích cực nhằm bảo đảm quyền con người trong TTHS nói chung, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự nói riêng. Bộ luật TTHS năm 2015 tiếp tục hoàn thiện thêm một bước về bảo đảm quyền con người đối với bị cáo trong xét xử sơ thẩm vụ án hình sự.

Tuy nhiên, thực tiễn hoạt động tiến hành tố tụng hình sự cũng cho thấy còn nhiều trường hợp vi phạm quyền con người của bị cáo trong xét xử sơ thẩm vụ án hình sự, gây ra tình trạng oan sai. Những vi phạm đó xảy ra là do nhiều nguyên nhân, trong đó có những bất cập, hạn chế của pháp luật, nhận thức, thái độ của người tiến hành tố tụng, các quy định về chế độ trách nhiệm của Nhà nước, cơ quan, người tiến hành tố tụng. Vì vậy, có thể nói nghiên cứu việc bảo đảm quyền con người của bị cáo trong xét xử sơ thẩm vụ án hình sự từ góc độ pháp lý TTHS cũng như áp dụng pháp luật có vai trò rất quan trọng trong việc thực hiện nhiệm vụ xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN nói chung, trong công cuộc cải cách tư pháp nói riêng ở nước ta.

Trong khoa học pháp lý nước ta cũng như quốc tế, vấn đề bảo đảm quyền con người trong tố tụng hình sự nói chung, quyền con người của bị cáo trong xét xử sơ thẩm vụ án hình sự nói riêng đã được nhiều tác giả nghiên cứu từ các góc độ và với các mức độ khác nhau. Tuy nhiên chưa có công trình nào nghiên cứu về bảo đảm quyền con người đối với bị cáo trong xét xử sơ thẩm



vụ án hình sự từ thực tiễn tỉnh Bình Thuận. Mảng tri thức về vấn đề này hiện còn nhiều nội dung cần tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện.

Chính vì vậy, việc nghiên cứu một cách toàn diện và sâu sắc về bảo đảm pháp lý TTTHS đối với việc thực hiện quyền con người đối với bị cáo trong xét xử sơ thẩm vụ án hình sự từ thực tiễn tỉnh Bình Thuận là yêu cầu khách quan và cần thiết, nhằm lý giải một cách khoa học những vấn đề lý luận và thực tiễn đặt ra hiện nay. Đây cũng là một trong những nội dung quan trọng trong định hướng cải cách tư pháp và hoàn thiện hệ thống pháp luật tố tụng hình sự ở nước ta. Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị khẳng định chủ trương “*hoàn thiện các thủ tục tố tụng tư pháp theo hướng bảo đảm tính đồng bộ, dân chủ, công khai, minh bạch, tôn trọng và bảo vệ quyền con người*”. Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XII của Đảng mới đây tiếp tục đặt ra nhiệm vụ: “*Đẩy mạnh việc thực hiện Chiến lược cải cách tư pháp, xây dựng nền tư pháp trong sạch, vững mạnh, dân chủ, nghiêm minh, từng bước hiện đại; bảo vệ pháp luật, công lý, quyền con người, quyền công dân, bảo vệ chế độ XHCN, lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức và cá nhân*”.

Từ những lý do trên tác giả đã chọn đề tài: “*Bảo đảm pháp lý TTTHS đối với việc thực hiện quyền con người đối với bị cáo trong xét xử sơ thẩm vụ án hình sự từ thực tiễn tỉnh Bình Thuận*” làm Luận văn Thạc sĩ luật học.

## **2. Tình hình nghiên cứu đề tài**

Theo thông tin tra cứu tại Thư viện Quốc gia, Thư viện Khoa học tổng hợp thành phố hồ Chí Minh, Thư viện các cơ sở đào tạo Luật của Việt Nam, các tạp chí khoa học chuyên ngành luật và các nguồn thông tin khác, tính đến thời điểm nghiên cứu mà tác giả tiếp cận có một số công trình nghiên cứu về đề tài này dưới các góc độ khác nhau.

Đề cập đến vấn đề quyền con người nói chung có các công trình khoa học tiêu biểu như: GS.TS Hoàng Văn Hảo và PGS.TS Phạm Khiêm Ích (chủ biên) (1995), Quyền con người trong thế giới hiện đại, Viện Thông tin Khoa học Xã hội, Hà Nội; PGS.TS Chu Hồng Thanh (1997), Quyền con người và luật quốc tế về quyền con người, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội; GS.TS. Trần Ngọc Đường (2004), Quyền con người, quyền công dân trong Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội; GS.TS Đinh Văn Mậu (2003), Quyền lực Nhà nước và quyền con người, NXB Tư pháp, Hà Nội. Đặc biệt là các công trình: GS.TS. Nguyễn Đăng Dung, PGS.TS. Vũ Công Giao, TS. Lã Khánh Tùng (Đồng chủ biên) (2015), Giáo trình lý luận và pháp luật về quyền con người, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội; GS.TS Võ Khánh Vinh (chủ biên) (2010), Quyền con người, tiếp cận đa ngành, liên ngành, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội. Trong các công trình này, các tác giả đã nghiên cứu khái niệm và các đặc điểm Nhà nước pháp quyền nói chung, Nhà nước pháp quyền XHCN nói riêng; nghiên cứu về mối quan hệ giữa quyền con người và quyền công dân; nghiên cứu về vấn đề bảo đảm quyền con người trong Nhà nước pháp quyền.

Đề cập đến vấn đề quyền con người trong TTTHS có các công trình tiêu biểu như: PGS.TS Phạm Hồng Hải (1999), Bảo đảm quyền bào chữa của người bị buộc tội, NXB Công an nhân dân, Hà Nội; TS. Trần Quang Tiệp (2004), Bảo vệ quyền con người trong luật hình sự, luật tố tụng hình sự Việt Nam, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội; TS Võ Thị Kim Oanh (chủ biên) (2010), Bảo đảm quyền con người trong tư pháp hình sự Việt Nam, NXB Đại học Quốc Gia Thành phố Hồ Chí Minh; GS.TSKH Lê Văn Cẩm, PGS.TS Nguyễn Ngọc Chí, PGS.TS Trịnh Quốc Toàn (đồng chủ trì) (2004), Bảo vệ quyền con người bằng pháp luật hình sự và pháp luật tố tụng hình sự trong giai đoạn xây dựng Nhà nước pháp quyền Việt Nam, Đề tài khoa học cấp Đại

học quốc gia Hà Nội; GS.TSKH Lê Văn Cẩm (chủ trì) (2013), Quyền con người trong lĩnh vực tư pháp hình sự: Lý luận, thực trạng và hướng hoàn thiện pháp luật, Đề tài trọng điểm cấp Đại học Quốc gia Hà Nội; TS. Nguyễn Ngọc Chí (chủ trì) (2011), Luật tố tụng hình sự Việt Nam với việc bảo vệ quyền con người”, Đề tài nghiên cứu khoa học cấp Đại học Quốc Gia Hà Nội; PGS. TS Nguyễn Thái Phúc (2010), Bảo đảm quyền con người trong tố tụng hình sự trong điều kiện xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam, Báo cáo tại Hội thảo về Quyền con người trong tố tụng hình sự do VKSND tối cao và Ủy ban Nhân quyền Australia tổ chức tháng 3/2010.

Các công trình là luận án tiến sĩ, luận văn thạc sĩ có liên quan đến đề tài nghiên cứu như: Hoàng Thị Sơn (2003), Thực hiện quyền bào chữa của bị can, bị cáo trong tố tụng hình sự, Luận án tiến sĩ luật học, bảo vệ tại Đại học Luật Hà Nội; Nguyễn Huy Hoàn (2004), Bảo đảm quyền con người trong hoạt động tư pháp ở Việt Nam hiện nay, Luận án Tiến sĩ Luật học, bảo vệ tại Viện Nhà nước và pháp luật; Nguyễn Quang Hiền (2008), Bảo vệ quyền con người trong tố tụng hình sự Việt Nam, Luận án Tiến sĩ Luật học, bảo vệ tại Viện Nhà nước và pháp luật; Lại Văn Trình (2011), Bảo đảm quyền con người của người bị tạm giữ, bị can, bị cáo trong tố tụng hình sự Việt Nam, Luận án tiến sĩ luật học, bảo vệ tại Đại học Luật thành phố Hồ Chí Minh. Ngô Thị Thanh (2013), Quyền con người trong hoạt động xét xử vụ án hình sự, Luận văn Thạc sĩ luật học, bảo vệ tại Khoa Luật Đại học Quốc gia Hà Nội; Đoàn Hải Nam (2016), Bảo đảm quyền con người của bị cáo trong xét xử sơ thẩm vụ án hình sự từ thực tiễn thành phố Hà Nội, Luận văn Thạc sĩ luật học, bảo vệ tại Học viện Khoa học xã hội năm 2016.

Ngoài ra, còn nhiều công trình nghiên cứu của các tác giả khác đăng trên các tạp chí chuyên ngành như: PGS.TS Nguyễn Ngọc Chí (2009), Bảo vệ quyền con người bằng pháp luật tố tụng hình sự, Tạp chí Khoa học, chuyên

san Luật học, số 23(2)/2009; Nguyễn Sơn Hà (2013), Hoàn thiện mô hình tổ tụng hình sự Việt Nam theo hướng bảo đảm quyền của bị can, bị cáo, Tạp chí Nhà nước và Pháp luật số 2/2013; GS.TSKH Lê Văn Cẩm (2006), Những vấn đề lý luận về bảo vệ quyền con người bằng pháp luật trong lĩnh vực tư pháp hình sự, Tạp chí TAND, số 13/2006; PGS.TS Nguyễn Mạnh Kháng (2007), Thực hiện dân chủ trong tổ tụng hình sự trong bối cảnh cải cách tư pháp ở nước ta hiện nay, Tạp chí Nhà nước và pháp luật, Số 229 (5/2007); PGS.TS Trần Văn Độ (2010), Bảo vệ quyền con người của người bị tạm giữ, bị can, bị cáo trong tổ tụng hình sự đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp, Tạp chí Khoa học pháp lý, Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh, Số 6(61)/2010; Nguyễn Tiến Đạt (2007), Bảo đảm quyền con người của người bị tạm giữ, bị can, bị cáo trong tổ tụng hình sự Việt Nam, Tạp chí Tòa án nhân dân, Số 11 (6/2007).

Mặc dù có nhiều công trình khoa học nghiên cứu về lĩnh vực quyền con người trong TTHS, trong đó có quyền con người của bị cáo, nhưng nhìn chung, những công trình nghiên cứu nêu trên chủ yếu đề cập đến những vấn đề lý luận chung về quyền con người và từ góc độ tư pháp hình sự, bao gồm cả luật hình sự và luật TTHS, về việc xây dựng pháp luật về bảo đảm quyền con người, trong đó có một vài khía cạnh đề cập cụ thể về quyền con người trong hoạt động tư pháp. Có hai công trình nghiên cứu về bảo đảm quyền con người đối với bị cáo trong xét xử sơ thẩm vụ án hình sự dưới hình thức Luận văn thạc sĩ Luật học nhưng Luận văn “Quyền con người trong hoạt động xét xử vụ án hình sự” của tác giả Ngô Thị Thanh nghiên cứu dưới góc độ pháp luật về quyền con người, còn Luận văn của tác giả Đoàn Hải Nam tuy nghiên cứu về bảo đảm quyền con người đối với bị cáo trong xét xử sơ thẩm vụ án hình sự nhưng xuất phát từ thực tiễn thành phố Hà Nội. Tuy vậy, các công trình nghiên cứu nêu trên vẫn là những tài liệu tham khảo quan trọng đối với tác giả trong quá trình thực hiện Luận văn.

Như vậy, qua khảo sát tổng quan tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài Luận văn, thấy rằng tuy có một số công trình đề cập đến vấn đề bảo đảm quyền con người trong tố tụng hình sự nói chung, quyền con người đối với bị cáo trong xét xử sơ thẩm vụ án hình sự nói riêng, nhưng nhiều vấn đề lý luận còn bỏ ngỏ hoặc đã được đề cập nhưng chưa đầy đủ. Do vậy, vẫn còn nhiều khía cạnh cần được tiếp tục nghiên cứu chuyên sâu về đề tài bảo đảm pháp lý TTHS đối với việc thực hiện quyền con người đối với bị cáo trong xét xử sơ thẩm vụ án hình sự, đặc biệt là nghiên cứu từ thực tiễn tỉnh Bình Thuận.

Việc tiếp tục nghiên cứu về đề tài này là đòi hỏi khách quan, vừa có tính lý luận, vừa có tính thực tiễn nhằm hoàn thiện pháp luật tố tụng hình sự, bảo đảm quyền con người của bị cáo trong xét xử sơ thẩm vụ án hình sự.

### **3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu**

Trên cơ sở phân tích các vấn đề lý luận về bảo đảm pháp lý TTHS đối với việc thực hiện quyền con người đối với bị cáo trong xét xử sơ thẩm vụ án hình sự, khảo sát các quy định của pháp luật TTHS Việt Nam và quy định của pháp luật quốc tế, đồng thời liên hệ với thực tiễn áp dụng tại tỉnh Bình Thuận, tác giả làm sáng tỏ những bất cập, hạn chế để đưa ra những giải pháp, kiến nghị nhằm hoàn thiện các quy định của pháp luật TTHS nhằm tăng cường bảo đảm pháp lý TTHS đối với việc thực hiện quyền con người đối với bị cáo trong xét xử sơ thẩm vụ án hình sự. Đồng thời, qua đây, tác giả muốn nhấn mạnh vai trò của Tòa án trong việc bảo đảm quyền con người để chúng ta có cái nhìn đúng đắn hơn về vai trò, vị trí của cơ quan này

Để thực hiện được mục đích nói trên, tác giả đã đưa ra và giải quyết các nhiệm vụ sau:

- Làm rõ những vấn đề lý luận về quyền con người và ý nghĩa của việc đảm bảo quyền con người đối với bị cáo trong xét xử sơ thẩm vụ án hình sự.

- Phân tích các cơ sở lý luận và các quy định của pháp luật TTHS về bảo đảm pháp lý TTHS đối với việc thực hiện quyền con người đối với bị cáo trong xét xử sơ thẩm vụ án hình sự. Làm rõ vai trò của Tòa án trong giai đoạn xét xử vụ án hình sự về vấn đề bảo đảm pháp lý TTHS đối với việc thực hiện quyền con người đối với bị cáo trong xét xử sơ thẩm vụ án hình sự.

- Nghiên cứu thực tiễn xét xử sơ thẩm của Tòa án hai cấp tỉnh Bình Thuận, đánh giá hiệu quả cũng như làm sáng tỏ những hạn chế, bất cập trong việc bảo đảm pháp lý TTHS đối với việc thực hiện quyền con người đối với bị cáo trong xét xử sơ thẩm vụ án hình sự.

- Đưa ra những kiến nghị, giải pháp hoàn thiện các quy định của pháp luật TTHS và nâng cao hiệu quả hoạt động TTHS liên quan đến việc bảo đảm pháp lý TTHS đối với việc thực hiện quyền con người đối với bị cáo trong xét xử sơ thẩm vụ án hình sự.

#### **4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu**

Đối tượng nghiên cứu của đề tài là quy định của pháp luật TTHS Việt Nam đối với việc thực hiện quyền con người đối với bị cáo trong xét xử sơ thẩm vụ án hình sự bảo đảm quyền con người đối với bị cáo trong xét xử sơ thẩm vụ án hình sự và thực tiễn bảo đảm quyền con người đối với bị cáo trong xét xử sơ thẩm vụ án hình sự tại tỉnh Bình Thuận.

Phạm vi nghiên cứu của đề tài là những vấn đề lý luận cơ bản và thực tiễn bảo đảm pháp lý TTHS đối với việc thực hiện quyền con người đối với bị cáo trong xét xử sơ thẩm vụ án hình sự, tập trung chủ yếu vào nội dung bảo đảm pháp lý TTHS đối với việc thực hiện quyền con người đối với bị cáo trong xét xử sơ thẩm vụ án hình sự, trong mối liên hệ với các chế định khác của TTHS. Trong đó:

- Phạm vi nghiên cứu các văn bản pháp lý TTHS: từ 1988 đến nay (tháng 3/2018)

- Phạm vi nghiên cứu khảo sát các vấn đề thực tiễn: Thực tiễn xét xử sơ thẩm VAHS của tòa án nhân dân hai cấp tỉnh Bình Thuận, các năm 2015, 2016, 2017.

## **5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu**

Đề tài được thực hiện trên cơ sở lý luận và phương pháp luận của Chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh; các quan điểm của Đảng và Nhà nước ta về Nhà nước và pháp luật, về Nhà nước Pháp quyền XHCN, về cải cách tư pháp. Việc nghiên cứu được thực hiện từ góc độ lý luận về quyền con người và bảo đảm quyền con người nói chung và từ góc độ TTHS nói riêng.

Các vấn đề trong Luận văn được phân tích, lý giải trên cơ sở sử dụng tổng hợp các phương pháp tiếp cận hệ thống, phương pháp thống kê, phương pháp phân tích, so sánh, tổng hợp, khảo sát xã hội học, phỏng vấn chuyên gia, người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng. Luận văn cũng khai thác thông tin tư liệu của các công trình nghiên cứu đã công bố để chứng minh cho các luận điểm.

## **6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của Luận văn**

- *Về mặt khoa học*: Đề tài đã góp phần làm rõ một số vấn đề lý luận về bảo đảm pháp lý TTHS đối với việc thực hiện quyền con người đối với bị cáo trong xét xử sơ thẩm vụ án hình sự. Phân tích các quy định của Bộ luật TTHS và đánh giá đầy đủ, toàn diện thực tiễn bảo đảm pháp lý TTHS đối với việc thực hiện quyền con người đối với bị cáo trong xét xử sơ thẩm vụ án hình sự, từ đó tìm ra những hạn chế, bất cập và nguyên nhân của những hạn chế, bất cập về bảo đảm pháp lý TTHS đối với việc thực hiện quyền con người đối với bị cáo trong xét xử sơ thẩm vụ án hình sự. Đưa ra được một số giải pháp và kiến nghị nhằm hoàn thiện các quy định của pháp luật TTHS Việt Nam và tăng cường bảo đảm pháp lý TTHS đối với việc thực hiện quyền con người đối với bị cáo trong xét xử sơ thẩm vụ án hình sự.

- *Về mặt thực tiễn*: Các kết quả nghiên cứu của Luận văn là cơ sở thực tiễn trong quá trình nghiên cứu, hoàn thiện pháp luật tố tụng hình sự. Đồng thời những giải pháp và kiến nghị cũng góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động áp dụng pháp luật trong thực tiễn. Với ý nghĩa như vậy, kết quả nghiên cứu của Luận văn có thể sử dụng làm tài liệu tham khảo cho công tác nghiên cứu, giảng dạy và đào tạo về pháp luật hình sự và tố tụng hình sự.

## **7. Cơ cấu của Luận văn**

Ngoài phần mở đầu, kết luận, tài liệu tham khảo và phụ lục thì nội dung Luận văn được chia làm 3 chương như sau:

- **Chương 1**: Lý luận chung về bảo đảm pháp lý TTTHS đối với việc thực hiện quyền con người đối với bị cáo trong xét xử sơ thẩm vụ án hình sự.

- **Chương 2**: Thực trạng bảo đảm pháp lý TTTHS đối với việc thực hiện quyền con người đối với bị cáo trong xét xử sơ thẩm vụ án hình sự từ thực tiễn tỉnh Bình Thuận.

- **Chương 3**: Tăng cường bảo đảm pháp lý TTTHS đối với việc thực hiện quyền con người đối với bị cáo trong xét xử sơ thẩm vụ án hình sự.



## **Chương 1**

# **LÝ LUẬN CHUNG VỀ BẢO ĐẢM PHÁP LÝ TỔ TỤNG HÌNH SỰ ĐỐI VỚI VIỆC THỰC HIỆN QUYỀN CON NGƯỜI ĐỐI VỚI BỊ CÁO TRONG XÉT XỬ SƠ THẨM VỤ ÁN HÌNH SỰ**

### **1.1. Khái niệm quyền con người của bị cáo trong xét xử sơ thẩm vụ án hình sự**

Quyền con người (human rights) là giá trị cao quý, kết tinh từ văn hóa của tất cả các dân tộc trên thế giới; là tiếng nói chung, sản phẩm chung, mục tiêu chung, phương tiện chung của mọi quốc gia, dân tộc trên thế giới để bảo vệ và thúc đẩy nhân phẩm và hạnh phúc của con người. Nó không còn là nhận thức mà được thể hiện bằng quy phạm pháp lý được các quốc gia thừa nhận chung, phản ánh quy luật và hướng đi tất yếu của xã hội loài người cũng như hình thành các cơ chế bảo đảm để quyền con người được thực thi trên thực tế.

Có nhiều định nghĩa khác nhau về quyền con người, theo nghiên cứu của Liên Hợp Quốc, có đến gần 50 định nghĩa về quyền con người đã được công bố. Mỗi định nghĩa tiếp cận từ một góc độ nhất định, chỉ ra những thuộc tính nhất định, nhưng không định nghĩa nào bao hàm được tất cả các thuộc tính của quyền con người. Tuy nhiên, ở cấp độ quốc tế, định nghĩa của Văn phòng Cao ủy Liên Hợp Quốc về quyền con người thường được trích dẫn bởi các nhà nghiên cứu. Theo định nghĩa này, quyền con người là những bảo đảm pháp lý toàn cầu (universal legal guarantees) có tác dụng bảo vệ các cá nhân và các nhóm chống lại những hành động (actions) hoặc sự bỏ mặc (omissions) mà làm tổn hại đến nhân phẩm, những sự được phép (entitlements) và tự do cơ bản (fundamental freedoms) của con người. Bên cạnh định nghĩa kể trên, một định nghĩa khác cũng thường được trích dẫn, theo đó, quyền con người là những sự được phép (entitlements) mà tất cả thành viên của cộng đồng nhân loại, không phân biệt giới tính, chủng tộc, tôn giáo, địa vị xã hội...; đều có

ngay từ khi sinh ra, đơn giản chỉ vì họ là con người. Định nghĩa này mang dấu ấn của học thuyết về các quyền tự nhiên (natural rights). [5]

Ở Việt Nam, một số định nghĩa về quyền con người do một số chuyên gia, cơ quan nghiên cứu từng nêu ra cũng không hoàn toàn giống nhau, nhưng xét chung, quyền con người được hiểu là những đặc quyền vốn có tự nhiên của con người và chỉ con người mới có; quyền tự nhiên vốn có đó khi được pháp luật ghi nhận và điều chỉnh, thì sẽ trở thành các quyền con người. Quyền con người là sự thống nhất giữa hai yếu tố khách quan và chủ quan được ghi nhận trong pháp luật của mỗi quốc gia và thỏa thuận pháp lý quốc tế. [5]

Như vậy, nhìn ở góc độ nào và ở cấp độ nào thì quyền con người cũng được xác định như là những chuẩn mực được cộng đồng quốc tế thừa nhận và tuân thủ. Những chuẩn mực này kết tinh những giá trị nhân văn của toàn nhân loại, chỉ áp dụng với con người, cho tất cả mọi người. Nhờ có những chuẩn mực này, mọi thành viên trong gia đình nhân loại mới được bảo vệ nhân phẩm và mới có điều kiện phát triển đầy đủ các năng lực của cá nhân với tư cách là một con người. Cho dù cách nhìn nhận có những khác biệt nhất định, một điều rõ ràng là quyền con người là những giá trị cao cả cần được tôn trọng và bảo vệ trong mọi xã hội và trong mọi giai đoạn lịch sử.

Liên quan đến khái niệm trên, cũng cần lưu ý rằng thuật ngữ human rights trong tiếng Anh có thể được dịch là quyền con người (theo tiếng thuần Việt) hoặc nhân quyền (theo Hán - Việt). Theo Đại từ điển Tiếng Việt, “nhân quyền” chính là “quyền con người” [59, tr.1229]. Như vậy, xét về mặt ngôn ngữ học, đây là hai từ đồng nghĩa, do đó, hoàn toàn có thể sử dụng cả hai từ này trong nghiên cứu và hoạt động thực tiễn về quyền con người.

Trong khoa học pháp lý, căn cứ vào nội dung của nó, quyền con người được chia thành các nhóm cơ bản sau đây: (1) Các quyền chính trị bao gồm quyền tham gia quản lý Nhà nước và thảo luận các vấn đề chung của cả nước,

quyền bầu cử và ứng cử, quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí, tự do tín ngưỡng, quyền lập hội, quyền được thông tin, quyền biểu tình, quyền bình đẳng nam nữ, quyền khiếu nại, tố cáo; (2) Các quyền dân sự (các quyền tự do cá nhân) bao gồm quyền bất khả xâm phạm về thân thể, về chỗ ở, quyền được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự, quyền được bảo đảm an toàn và bí mật về thư tín, điện thoại, điện tín, quyền tự do đi lại và cư trú; (3) Các quyền kinh tế, văn hóa, xã hội bao gồm quyền học tập, lao động, quyền tự do kinh doanh, quyền sở hữu tài sản hợp pháp, quyền phát minh, sáng chế, quyền được bảo vệ sức khỏe, quyền được bảo hộ về hôn nhân, gia đình, các quyền của các đối tượng đặc biệt như thương binh, bệnh binh, gia đình liệt sĩ, người già, trẻ em, người tàn tật không nơi nương tựa;

Ngoài ra, căn cứ vào mức độ điều chỉnh của pháp luật, quyền con người được phân thành các quyền cơ bản và các quyền pháp lý khác. Quyền con người, quyền cơ bản của công dân (hay quyền hiến định) là các quyền quan trọng nhất, cơ bản nhất thể hiện mối quan hệ cơ bản nhất giữa Nhà nước và công dân được ghi nhận trong Hiến pháp, làm cơ sở cho việc cụ thể hóa các quyền pháp lý khác. Quyền pháp lý khác là sự cụ thể hóa các quyền con người, quyền cơ bản của công dân trong các lĩnh vực pháp lý khác nhau được ghi nhận trong các văn bản pháp luật cụ thể. Ví dụ: quyền con người trong lĩnh vực hình sự, quyền con người trong lĩnh vực hành chính, quyền con người trong lĩnh vực lao động. Các quyền con người cụ thể này được cụ thể hóa trên cơ sở các quyền cơ bản và không trái với các quyền cơ bản được Hiến pháp quy định, thể hiện sự nhất quán của Nhà nước trong việc ghi nhận và bảo đảm quyền con người, quyền công dân. Quyền con người trong các lĩnh vực pháp lý cụ thể được quy định phụ thuộc vào tính chất của ngành luật và chức năng của Nhà nước trong lĩnh vực đó.

Quyền con người trong TTHS là những quyền chỉ dành cho con người khi họ tham gia quan hệ pháp luật tố tụng hình sự mà nhà nước có nghĩa vụ phải ghi nhận trong Hiến pháp, pháp luật và bảo đảm thực hiện trên thực tế. TTHS là trình tự, thủ tục giải quyết vụ án hình sự theo quy định của pháp luật, bao gồm toàn bộ hoạt động của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng, của cá nhân, cơ quan nhà nước khác và tổ chức xã hội, góp phần vào việc giải quyết vụ án theo quy định của luật TTHS. Do vậy, xét ở phương diện quyền con người trong TTHS cho thấy, đây là nơi quyền con người chịu sự tác động rất lớn từ các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng khi giải quyết vụ án hình sự. Quyền con người trong TTHS được thể hiện ở hai khía cạnh: (1) Đưa người phạm tội ra xử lý trước pháp luật, qua đó bảo vệ quyền con người nói chung; (2) Trong quá trình giải quyết vụ án hình sự, các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng phải bảo đảm quyền con người không chỉ của bị cáo mà còn của những người tham gia tố tụng khác, đồng thời ngăn ngừa nguy cơ xâm phạm quyền con người từ phía những người tiến hành tố tụng.

Theo pháp luật TTHS Việt Nam hiện hành, xét xử sơ thẩm được xác định là giai đoạn trung tâm của quá trình giải quyết một vụ án hình sự. Trong giai đoạn này, mọi tài liệu chứng cứ của vụ án do CQĐT, VKS thu thập trong quá trình điều tra, truy tố đều được xem xét một cách công khai tại phiên tòa. Quyền và nghĩa vụ của người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng được thực hiện một cách công khai, đầy đủ nhất, những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng được nghe trực tiếp lời khai của nhau, được tranh luận chất vấn những điều mà tại CQĐT và VKS họ không có điều kiện thực hiện. Trên cơ sở đó Tòa án ra phán quyết về tội phạm, hình phạt và các vấn đề có liên quan. Xét xử sơ thẩm vụ án hình sự được xem là đỉnh cao của

quyền tư pháp, đây cũng là nơi quyền con người rất dễ bị xâm phạm và việc xâm phạm quyền con người thường để lại hậu quả rất lớn cho xã hội.

Bị cáo là người đã bị Toà án quyết định đưa ra xét xử, tham gia tố tụng kể từ khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử đến khi bản án hoặc quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật. Bị cáo là trung tâm của quá trình xét xử vụ án hình sự, xét xử sơ thẩm là giai đoạn trung tâm, do vậy quyền con người của bị cáo trong xét xử sơ thẩm vụ án hình sự cũng là vấn đề trung tâm của quyền con người trong TTHS. Hiện nay, việc hiểu và đưa ra khái niệm về quyền con người của bị cáo trong xét xử sơ thẩm vụ án hình sự chưa nhiều. Tác giả cho rằng, quyền con người của bị cáo trong xét xử sơ thẩm vụ án hình sự do pháp luật TTHS quy định trên cơ sở phù hợp với các chuẩn mực quốc tế về quyền con người, gồm các nhóm quyền về tính mạng, sức khỏe, danh dự, uy tín, nhân phẩm, tài sản... và các nhóm quyền bảo đảm được xét xử bởi Tòa án độc lập, xét xử bình đẳng và đúng pháp luật. Quyền con người của bị cáo là những giá trị, nhu cầu và lợi ích hợp pháp vốn có của bị cáo, phù hợp với chuẩn mực quốc tế và quốc gia được ghi nhận trong Hiến pháp và các văn bản quy phạm pháp luật khi tham gia vào quan hệ pháp luật TTHS trong giai đoạn xét xử. Như vậy có thể khái quát quyền con người của bị cáo trong xét xử sơ thẩm vụ án hình sự như sau: *“Quyền con người của bị cáo trong xét xử sơ thẩm vụ án hình sự là các quyền con người, quyền cơ bản của công dân nói chung và quyền năng pháp lý của bị cáo trong xét xử sơ thẩm vụ án hình sự, cũng như nghĩa vụ bảo đảm thực hiện của nhà nước, được quy định trong pháp luật TTHS của mỗi quốc gia, nhằm bảo đảm bị cáo được xét xử bình đẳng và đúng pháp luật”*.

**1.2. Khái niệm bảo đảm pháp lý TTHS đối với việc thực hiện quyền con người đối với bị cáo trong xét xử sơ thẩm vụ án hình sự.**

Vấn đề quyền con người luôn là nền tảng trong việc nghiên cứu và ban hành các quy phạm pháp luật. Trong lĩnh vực TTHS, việc giải quyết vụ án hình sự không thể tách rời vấn đề bảo đảm quyền con người, đặc biệt là quyền con người của bị cáo. Bảo đảm pháp lý TTHS đối với việc thực hiện quyền con người nói chung, đối với bị cáo trong xét xử sơ thẩm vụ án hình sự nói riêng luôn là vấn đề quan tâm hàng đầu của mỗi quốc gia. Bởi lẽ để buộc tội và truy cứu trách nhiệm hình sự đối với một người phải dựa trên những căn cứ luật định và phải do những người, những cơ quan có thẩm quyền tiến hành theo trình tự, thủ tục mà pháp luật quy định để nhằm mục đích không để lọt tội phạm đồng thời đảm bảo không làm oan người vô tội.

Bảo đảm quyền con người xét cho cùng chính là việc ghi nhận và thực hiện những cam kết trong pháp luật quốc tế về các quyền con người vào trong pháp luật mỗi quốc gia. Không thể bảo đảm quyền con người nếu chỉ dựa vào quyền tự nhiên của con người, bởi tự thân những quyền tự nhiên không thể tự mình vận hành trong một xã hội rộng lớn ở phạm vi quốc tế và phạm vi quốc gia. Phải thông qua Nhà nước, thì những cam kết quốc tế về quyền con người mới hình thành nên những địa vị pháp lý của con người, đồng thời quyền con người chỉ được bảo đảm khi được quy định bằng pháp luật và có cơ chế bảo đảm, vận hành bởi pháp luật [22, tr. 38]. Do đó, bảo đảm pháp lý TTHS đối với việc thực hiện quyền con người đối với bị cáo trong xét xử sơ thẩm vụ án hình sự là sự kết hợp địa vị pháp lý và địa vị thực tế của bị cáo trong xét xử sơ thẩm vụ án hình sự. Các quyền của bị cáo trong xét xử sơ thẩm vụ án hình sự được quy định trong pháp luật TTHS chỉ trở thành những bảo đảm pháp lý TTHS đối với việc thực hiện quyền con người đối với bị cáo trong xét xử sơ thẩm vụ án hình sự qua hình thức pháp lý và những nỗ lực tổ chức bảo đảm thực hiện của Nhà nước. Bảo đảm pháp lý TTHS đối với việc thực hiện quyền con người đối với bị cáo trong xét xử sơ thẩm vụ án hình sự là đảm bảo cho

những bị cáo có địa vị pháp lý phù hợp để bảo vệ mình trước việc bị buộc tội tại phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự và những điều kiện pháp lý cũng như thực tế để họ thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng được quy định.

Với những nhận thức trên, theo tác giả, khái niệm bảo đảm pháp lý TTHS đối với việc thực hiện quyền con người đối với bị cáo trong xét xử sơ thẩm vụ án hình sự được hiểu như sau: *“Bảo đảm pháp lý TTHS đối với việc thực hiện quyền con người đối với bị cáo trong xét xử sơ thẩm vụ án hình sự là việc quy định trong Bộ luật TTHS và sự bảo đảm của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng và các cơ quan khác cho bị cáo được thực hiện trên thực tế một cách đầy đủ và hợp pháp các quyền được pháp luật quy định trong quá trình xét xử sơ thẩm vụ án hình sự”*.

### **1.3. Nội dung của bảo đảm pháp lý TTHS đối với việc thực hiện quyền con người đối với bị cáo trong xét xử sơ thẩm vụ án hình sự**

#### **1.3.1. Bảo đảm bằng việc quy định các quyền của bị cáo trong xét xử sơ thẩm vụ án hình sự**

Các quyền của bị cáo trong xét xử sơ thẩm vụ án hình sự được thể hiện thông qua hệ thống các nguyên tắc cơ bản của TTHS và các quyền tố tụng cụ thể trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự.

Các nhóm quyền con người cơ bản của bị cáo được ghi nhận trong Bộ luật TTHS năm 2003 và Bộ luật TTHS năm 2015 thông qua việc quy định thành các nguyên tắc cơ bản trong TTHS bao gồm:

*Thứ nhất*, quyền bình đẳng trước pháp luật [47, điều 5] [48, điều 9]. Theo đó, mọi công dân đều bình đẳng trước pháp luật, không phân biệt dân tộc, nam nữ, tín ngưỡng, tôn giáo, thành phần xã hội, địa vị xã hội.

*Thứ hai*, quyền bất khả xâm phạm về thân thể, danh dự, nhân phẩm, tài sản, về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình; được pháp luật bảo hộ tính mạng, sức khỏe [47, điều 6,7,8] [48, điều 10,11,12]. Đây là nhóm

quyền con người quan trọng, theo đó mọi người có quyền bất khả xâm phạm về thân thể; về chỗ ở, đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình, an toàn và bí mật thư tín, điện thoại, điện tín và các hình thức trao đổi thông tin riêng tư khác của cá nhân; được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, tài sản.

*Thứ ba*, quyền được suy đoán vô tội [47, điều 9] [48, điều 13]. Theo đó người bị buộc tội, trong đó bao gồm bị cáo phải được coi là không có tội cho đến khi được chứng minh là có tội theo trình tự, thủ tục do Bộ luật TTHS quy định và có bản án kết tội của Tòa án có hiệu lực pháp luật. Như vậy, khi chưa có bản án kết tội của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật thì bị cáo vẫn được xem là vô tội và được đối xử như một công dân bình thường.

*Thứ tư*, quyền được bào chữa [47, điều 11] [48, điều 16]. Đây là quyền năng pháp lý rất quan trọng của bị cáo trong giai đoạn xét xử, Theo đó, bị cáo có quyền tự bào chữa, nhờ luật sư hoặc người khác bào chữa. Tự bào chữa là tự mình đưa ra nhưng chứng cứ, lập luận để bác bỏ các cáo buộc của VKS, qua đó chứng minh mình không có tội hoặc trách nhiệm hình sự, trách nhiệm dân sự khác với cáo buộc của VKS. Nhờ người khác bào chữa là nhờ Luật sư hoặc người có thẩm quyền bào chữa thay mặt mình đưa ra nhưng chứng cứ, lập luận để bác bỏ cáo buộc của VKS, qua đó chứng minh bị cáo không có tội hoặc trách nhiệm hình sự, trách nhiệm dân sự khác với cáo buộc của VKS

*Thứ năm*, quyền được bồi thường thiệt hại và phục hồi danh dự quyền lợi khi bị oan, sai [47, điều 30] [48, điều 31]. Theo đó, người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, bị bắt, tạm giữ, tạm giam, khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án oan, trái pháp luật; hoặc người bị thiệt hại do cơ quan, người tiến hành tố tụng gây ra có quyền được bồi thường thiệt hại về vật chất, tinh thần và phục hồi danh dự.



*Thứ sáu*, quyền được khiếu nại, tố cáo trong TTHS [47, điều 31] [48, điều 32]. Theo đó, cá nhân, cơ quan, tổ chức có quyền khiếu nại, cá nhân có quyền tố cáo hành vi vi phạm pháp luật trong hoạt động tố tụng hình sự của cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng hoặc của bất cứ cá nhân nào thuộc các cơ quan đó.

Ngoài ra, Bộ luật TTHS năm 2015 còn quy định một nguyên tắc quan trọng mà Bộ luật TTHS năm 2003 chưa quy định, là nguyên tắc về việc không bị kết án hai lần vì một tội phạm [48, điều 14]. Theo đó, hành vi của người nào đã bị kết án và bản án của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật thì không được khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử lần thứ hai đối với hành vi đó, trừ trường hợp họ thực hiện hành vi nguy hiểm khác cho xã hội mà BLHS quy định là tội phạm.

Ngoài các nhóm quyền con người cơ bản của bị cáo được ghi nhận và quy định thành các nguyên tắc trong TTHS. Trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự, bị cáo còn có các quyền tố tụng cụ thể, được quy định tại Điều 50 Bộ luật TTHS 2003 và Điều 61 Bộ luật TTHS năm 2015.

*Trước hết*, bị cáo có quyền được nhận quyết định đưa vụ án ra xét xử; quyết định áp dụng, thay đổi, hủy bỏ biện pháp ngăn chặn, biện pháp cưỡng chế; quyết định đình chỉ vụ án; bản án, quyết định của Tòa án và các quyết định tố tụng khác theo quy định của Bộ luật TTHS. Như vậy, trong giai đoạn chuẩn bị xét xử bị cáo được nhận tất cả các quyết định tố tụng liên quan trực tiếp đến quyền, nghĩa vụ của bị cáo. Đây là các bản pháp lý có ảnh hưởng trực tiếp đến bị cáo trong quá trình xét xử sơ thẩm.

*Thứ hai*, bị cáo có quyền được tham gia phiên tòa. Giai đoạn xét xử nói chung, đặc biệt là xét xử sơ thẩm vụ án hình sự được xem là trung tâm của cả quá trình tố tụng, mọi vấn đề của vụ án sẽ được giải quyết tại phiên tòa. Trong đó, điều quan trọng nhất là bị cáo có phạm tội không, nếu có thì phạm tội gì

và mức án là bao nhiêu? Vì vậy, việc tham gia phiên tòa sẽ tạo điều kiện để bị cáo thực hiện các quyền tố tụng quan trọng của mình như quyền bào chữa, quyền tranh luận, để HĐXX có sự nhìn nhận, đánh giá khách quan, từ đó quyền lợi hợp pháp của bị cáo sẽ được đảm bảo hơn. Cho nên, việc tham gia phiên tòa được xác định là một quyền của bị cáo chứ không phải là nghĩa vụ. Chính vì vậy, việc xét xử vắng mặt bị cáo chỉ được tiến hành trong một số trường hợp đặc biệt, theo Điều 187 Bộ luật TTHS 2003 và Điều 190 Bộ luật TTHS năm 2015 gồm các trường hợp: Bị cáo trốn tránh và việc truy nã không có kết quả; Bị cáo đang ở nước ngoài và không thể triệu tập đến phiên tòa; Sự vắng mặt của bị cáo không trở cho việc xét xử và họ đã được giao giấy triệu tập hợp lệ. Như vậy, Bộ luật TTHS coi việc tham gia phiên tòa là một quyền năng của bị cáo. Chỉ khi nào bị cáo từ chối thực hiện quyền đó thì mới xét xử vắng mặt để đảm bảo tiến độ giải quyết vụ án.

Khi tham gia phiên tòa, bị cáo có quyền được thông báo, giải thích về quyền và nghĩa vụ, quyền này có ý nghĩa rất lớn trong việc đảm bảo quyền con người của bị cáo; giúp họ hiểu rõ quyền và nghĩa vụ của mình để thực hiện cũng như góp phần nhanh chóng kịp thời giải quyết vụ án, xác minh sự thật vụ án. Quyền được đề nghị giám định, định giá tài sản. Quyền đề nghị thay đổi người có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người giám định, người định giá tài sản, người phiên dịch, người dịch thuật, để đảm bảo sự công bằng, bình đẳng trong TTHS. Quyền đề nghị triệu tập người làm chứng, bị hại, người có quyền, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người giám định, người định giá tài sản, người tham gia tố tụng khác và người có thẩm quyền tiến hành tố tụng tham gia phiên tòa. Quyền đưa ra chứng cứ, tài liệu, đồ vật, yêu cầu;

*Thứ ba*, bị cáo có quyền trình bày ý kiến và tranh luận tại phiên tòa, tự bào chữa, nhờ người bào chữa, đây là quyền năng pháp lý quan trọng nhất của bị cáo trong giai đoạn xét xử sơ thẩm. Theo đó, bị cáo được trình bày ý kiến

về chứng cứ, tài liệu, đồ vật liên quan và yêu cầu người có thẩm quyền tiến hành tố tụng kiểm tra, đánh giá; bị cáo được trình bày lời khai, trình bày ý kiến, nhưng không buộc phải đưa ra lời khai chống lại chính mình hoặc buộc phải nhận mình có tội; bị cáo được đề nghị chủ tọa phiên tòa hỏi hoặc tự mình hỏi người tham gia phiên tòa nếu được chủ tọa đồng ý.

Đặc biệt là bị cáo được tranh luận tại phiên tòa về cáo buộc của VKS; được tự bào chữa, nhờ người bào chữa. Bị cáo có quyền đưa ra những ý kiến, lập luận của mình và đối đáp với những ý kiến của các chủ thể khác. Quyền này thể hiện sự bình đẳng của bị cáo đối với bên buộc tội và những người tham gia tố tụng khác. Việc đối đáp sẽ giúp cho HĐXX nhìn nhận ra những tình tiết hợp lý, đúng đắn. Kết thúc phần tranh luận, bị cáo được quyền nói lời nói sau cùng trước khi nghị án, nhằm tạo điều kiện cho bị cáo được bày tỏ thái độ, nguyện vọng của mình trước khi HĐXX đưa ra quyết định về vụ án.

*Cuối cùng*, kết thúc giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự, bị cáo quyền kháng cáo bản án, quyết định sơ thẩm của Tòa án nếu xét thấy bản án đã tuyên không đúng với hành vi phạm tội của bị cáo, mức hình phạt đã tuyên nặng so với hành vi phạm tội theo quy định. Quyền này tạo điều kiện cho bị cáo được xét xử lần thứ hai với một HĐXX khác ở cấp xét xử phúc thẩm nhằm bảo đảm cho việc xét xử được chính xác, khách quan hơn.

Ngoài ra, cũng như các giai đoạn TTTHS khác, trong giai đoạn xét xử sơ thẩm, bị cáo có quyền khiếu nại quyết định, hành vi tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng lên các chủ thể có thẩm quyền giải quyết theo quy định của pháp luật nếu xét thấy quyết định, hành vi tố tụng có vi phạm pháp luật, nhằm đảm bảo quyền lợi ích hợp pháp cho bị cáo và đảm bảo cho pháp luật được thực hiện nghiêm chỉnh, thống nhất.

Bộ luật TTTHS năm 2015 ngoài việc kế thừa các quyền tố tụng nêu trên của Bộ luật TTTHS năm 2003, còn bổ sung một số quyền mới của bị cáo như:

Quyền được “trình bày ý kiến về chứng cứ, tài liệu, đồ vật liên quan và yêu cầu người có thẩm quyền tiến hành tổ tụng kiểm tra, đánh giá”. Khi tiến hành xét xử công khai, các chứng cứ, tài liệu, đồ vật được thu thập được đưa ra để tiến hành kiểm tra, đánh giá công khai tại phiên tòa. Bị cáo được quyền trình bày về chứng cứ, tài liệu này để xác định các chứng cứ, tài liệu, đồ vật đó có căn cứ chứng minh trong vụ án hình sự không. Căn cứ buộc tội hay gỡ tội, có ý nghĩa đánh giá là tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS hay không và giá trị của nó trong việc xác định sự thật của vụ án.

Quyền được “trình bày lời khai, trình bày ý kiến, không buộc phải đưa ra lời khai chống lại chính mình hoặc buộc phải nhận mình có tội”. Quyền này là quyền “im lặng” của bị cáo khi thấy có lý do gì đó mà không thể trả lời ngay câu hỏi của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

Quyền “đề nghị chủ tọa phiên tòa hỏi hoặc tự mình hỏi người tham gia phiên tòa nếu được chủ tọa đồng ý; tranh luận tại phiên tòa”. Thực hiện quyền này thể hiện tính chủ động cho bị cáo, giúp bị cáo thực hiện quyền bào chữa của mình được tốt hơn, việc hỏi cũng như đối chất trực tiếp tại phiên tòa sẽ là căn cứ quan trọng làm cho việc xét xử được khách quan, toàn diện.

Quyền được “xem biên bản phiên tòa, yêu cầu ghi những sửa đổi, bổ sung vào biên bản phiên tòa”. Quyền này nhằm đảm bảo sự khách quan, công bằng trong TTTHS, hạn chế đến mức thấp nhất việc ghi chép lại quá trình diễn ra tại phiên tòa có sai sót so với thực tế.

Bị cáo còn có “các quyền khác theo quy định của pháp luật”. Những quyền này sẽ được thể hiện rõ sau khi các văn bản hướng dẫn thi hành và các luật nội dung khác có liên quan.

### ***1.3.2. Bảo đảm bằng việc quy định nghĩa vụ của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong xét xử sơ thẩm vụ án hình sự***

Tương ứng với các quyền của bị cáo là nghĩa vụ của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Hay nói cách khác, nghĩa vụ của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng là cơ sở để bảo đảm quyền của bị cáo. Nghĩa vụ này cũng được thể hiện thông qua hệ thống các nguyên tắc cơ bản và các nghĩa vụ cụ thể trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự.

Nghĩa vụ của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng được thể hiện trong Bộ luật TTHS năm 2003 và Bộ luật TTHS năm 2015 thông qua các nguyên tắc cơ bản trong TTHS bao gồm:

*Thứ nhất*, nghĩa vụ bảo đảm pháp chế XHCN [47, điều 3] [48, điều 7], đây là nguyên tắc bao trùm, thể hiện trong toàn bộ các hoạt động TTHS, là cơ sở cho các nguyên tắc TTHS khác. Theo đó, mọi hoạt động TTHS phải được thực hiện theo quy định của Bộ luật TTHS. Không được giải quyết nguồn tin về tội phạm, khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử ngoài những căn cứ và trình tự, thủ tục do Bộ luật TTHS quy định. Nguyên tắc này đòi hỏi: Các cơ quan tiến hành tố tụng, những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng phải tuân thủ các quy định của Bộ luật TTHS trong quá trình giải quyết vụ án. Mọi hành vi tố tụng, quyết định tố tụng phải dựa trên các quy định của Bộ luật TTHS.

Ngoài ra Bộ luật TTHS cũng quy định một số nguyên tắc khác để bảo đảm pháp chế XHCN như:

Nguyên tắc về trách nhiệm của cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng [47, điều 12] [48, điều 17], đòi hỏi cơ quan, người tiến hành tố tụng phải nghiêm chỉnh thực hiện quy định của pháp luật và phải chịu trách nhiệm về hành vi, quyết định của mình; người vi phạm pháp luật trong TTHS tùy

tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của luật.

Nguyên tắc về trách nhiệm khởi tố và xử lý vụ án hình sự [47, điều 13] [48, điều 18], đòi hỏi cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng khi phát hiện hành vi có dấu hiệu tội phạm, phải có trách nhiệm khởi tố vụ án, áp dụng các biện pháp do Bộ luật TTHS quy định để xác định tội phạm và xử lý người phạm tội; không được khởi tố vụ án ngoài những căn cứ và trình tự, thủ tục Bộ luật TTHS quy định.

Nguyên tắc bảo đảm sự vô tư của người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng [47, điều 14] [48, điều 21], đòi hỏi người tiến hành tố tụng không được tham gia tố tụng nếu có lý do cho rằng họ có thể không vô tư trong khi thực hiện nhiệm vụ.

Các nguyên tắc về thực hiện chế độ xét xử có Hội thẩm tham gia, khi xét xử Thẩm phán, Hội thẩm xét xử độc lập và chỉ tuân theo pháp luật, Tòa án xét xử tập thể và quyết định theo đa số, Tòa án xét xử kịp thời, công bằng, công khai [47, điều 15-18] [48, điều 22-25]. Và đặc biệt là nguyên tắc bảo đảm tranh tụng trong xét xử. [48, điều 26]

*Thứ hai*, nghĩa vụ tôn trọng và bảo vệ quyền con người, quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân [47, điều 4] [48, điều 8]. Tôn trọng và bảo vệ các quyền con người vừa là bản chất, vừa là mục tiêu của Nhà nước ta, đồng thời là một trong những nhiệm vụ quan trọng của Bộ luật TTHS. Theo đó, khi tiến hành tố tụng, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng phải tôn trọng và bảo vệ quyền con người, quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân; thường xuyên kiểm tra tính hợp pháp và sự cần thiết của những biện pháp đã áp dụng, kịp thời hủy bỏ hoặc thay đổi những biện pháp đó nếu xét thấy có vi phạm pháp luật hoặc không còn cần thiết.

*Thứ ba*, nghĩa vụ bảo đảm quyền bình đẳng trước pháp luật [47, điều 5] [48, điều 9]. Theo đó, TTHS tiến hành theo nguyên tắc mọi công dân đều bình đẳng trước pháp luật, bất cứ người nào phạm tội đều bị xử lý theo pháp luật. Sự bình đẳng trước pháp luật được hiểu là sự thể hiện ở vị trí như nhau của mọi công dân trong mọi lĩnh vực của hoạt động nhà nước và xã hội mà không có sự ưu tiên, ưu đãi, phân biệt đối xử với bất cứ đối tượng nào.

*Thứ tư*, nghĩa vụ bảo đảm quyền bất khả xâm phạm về thân thể, bảo hộ tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, tài sản; bảo đảm quyền bất khả xâm phạm về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình [47, điều 6-8] [48, điều 10-12]. Theo đó, chỉ được bắt người khi có quyết định của Tòa án, quyết định hoặc phê chuẩn của VKS, trừ trường hợp phạm tội quả tang. Nghĩa là Tòa án hoặc VKS là hai cơ quan có thẩm quyền cuối cùng trong việc bắt người, trừ trường hợp phạm tội quả tang thì bất kì ai cũng có quyền bắt. Việc giữ người trong trường hợp khẩn cấp, việc bắt, tạm giữ, tạm giam người phải thực hiện theo quy định của Bộ luật TTHS để tránh sự lạm dụng, vi phạm pháp luật trong việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn. Nghiêm cấm tra tấn, bức cung, dùng nhục hình hay bất kỳ hình thức đối xử nào xâm phạm thân thể, tính mạng, sức khỏe của con người, vì các hành vi này không chỉ xâm phạm sức khỏe, tự do, danh dự, nhân phẩm người tham gia tố tụng, mà còn làm cho hoạt động tố tụng bị sai lệch, ảnh hưởng đến việc xác định sự thật khách quan của vụ án. Do vậy mọi hành vi xâm phạm trái pháp luật đến tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, tài sản của cá nhân đều bị xử lý theo pháp luật. Không được trục xuất, giao nộp công dân Việt Nam cho nhà nước khác. Không được xâm phạm trái pháp luật chỗ ở, đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình, an toàn và bí mật thư tín, điện thoại, điện tín và các hình thức trao đổi thông tin riêng tư khác của cá nhân. Việc khám xét chỗ ở; khám xét, tạm giữ, thu giữ thư tín, điện thoại, điện tín, dữ liệu điện tử và các

hình thức trao đổi thông tin riêng tư khác phải thực hiện theo quy định của Bộ luật TTHS.

*Thứ năm*, nghĩa vụ suy đoán vô tội [47, điều 9] [48, điều 13]. Đây là nguyên tắc quan trọng thể hiện sự bảo đảm về quyền con người và tính nhân đạo trong các hoạt động TTHS. Theo đó Tòa án là cơ quan duy nhất có quyền kết tội và áp dụng hình phạt đối với một người khi có căn cứ bằng một bản án hợp pháp và có hiệu lực pháp luật; một người chỉ phải chịu hình phạt khi bản án kết tội của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật. Khi không đủ và không thể làm sáng tỏ căn cứ để buộc tội, kết tội theo trình tự, thủ tục do Bộ luật TTHS quy định thì cơ quan tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng phải kết luận người bị buộc tội không có tội. Nghĩa là, mọi nghi ngờ trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử phải được giải thích theo hướng có lợi cho bị cáo.

*Thứ sáu*, nghĩa vụ bảo đảm quyền được bào chữa hoặc tự bào chữa của người bị buộc tội [47, điều 11] [48, điều 16]. Theo đó, người bị buộc tội, trong đó có bị cáo có quyền tự bào chữa, nhờ luật sư hoặc người khác bào chữa. Quyền tự bào chữa hoặc nhờ người khác bào chữa của họ phải được CQĐT, VKS, Tòa án bảo đảm. Cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng có trách nhiệm thông báo, giải thích và bảo đảm cho bị cáo thực hiện đầy đủ quyền bào chữa, quyền và lợi ích hợp pháp của họ theo quy định của Bộ luật TTHS.

*Thứ bảy*, nghĩa vụ bồi thường thiệt hại và phục hồi danh dự quyền lợi khi làm oan, sai [47, điều 30] [48, điều 31]. Theo đó, Nhà nước có trách nhiệm bồi thường thiệt hại và phục hồi danh dự, quyền lợi cho người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, người bị bắt, bị tạm giữ, tạm giam, khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án oan, trái pháp luật do cơ quan tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng gây ra; bồi thường thiệt hại cho



người khác bị thiệt hại do cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng gây ra.

*Thứ tám*, nghĩa vụ giải quyết khiếu nại, tố cáo [47, điều 31] [48, điều 32]. Theo đó cơ quan, người có thẩm quyền phải tiếp nhận, xem xét và giải quyết khiếu nại, tố cáo kịp thời, đúng pháp luật; gửi văn bản kết quả giải quyết cho người khiếu nại, tố cáo, cơ quan, tổ chức khiếu nại và có biện pháp khắc phục. Việc giải quyết khiếu nại, tố cáo phải thực hiện theo rình tự, thủ tục, thẩm quyền do Bộ luật TTHS quy định. Nghiêm cấm việc trả thù người khiếu nại, tố cáo hoặc lợi dụng quyền khiếu nại, tố cáo để vu khống người khác.

Ngoài ra, Bộ luật TTHS năm 2015 còn quy định một nguyên tắc quan trọng mà Bộ luật TTHS năm 2003 chưa quy định, là nguyên tắc về quyền không bị kết án hai lần vì một tội phạm, tại Điều 14 Bộ luật TTHS năm 2015. Theo đó, không được khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử đối với người mà hành vi của họ đã có bản án của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật, trừ trường hợp họ thực hiện hành vi nguy hiểm khác cho xã hội mà BLHS quy định là tội phạm.

#### **1.4. Các yếu tố bảo đảm pháp lý TTHS đối với bị cáo trong xét xử sơ thẩm vụ án hình sự**

##### ***1.4.1. Bảo đảm về mặt cơ sở pháp lý***

Hiến pháp là cơ sở pháp lý cao nhất trong hệ thống văn bản quy phạm pháp luật Việt Nam. Từ trước đến nay, trong các bản Hiến pháp của Việt Nam luôn có quy định về bảo đảm quyền con người của bị cáo. Hiến pháp năm 2013 đã kế thừa các bản Hiến pháp trước đây về quyền con người đối với bị cáo trong xét xử. Theo Hiến pháp năm 2013, quyền con người, quyền công dân chỉ có thể bị hạn chế theo quy định của luật trong trường hợp cần thiết vì lý do quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe của cộng đồng; và người bị buộc tội được coi là không có tội cho

đến khi được chứng minh theo trình tự luật định và có bản án kết tội của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật. Quy định trên đã toàn diện hơn so với quy định của Hiến pháp năm 1992 “không ai bị coi là có tội và phải chịu hình phạt khi chưa có bản án kết tội của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật”. Đồng thời Hiến pháp năm 2013 quy định tại khoản 2 Điều 20 về điều kiện của việc hạn chế quyền con người “Không ai bị bắt nếu không có quyết định của TAND, quyết định hoặc phê chuẩn của VKSND, trừ trường hợp phạm tội quả tang. Việc bắt, giam, giữ người do luật định”. Đây có thể coi là nội dung quan trọng để đảm bảo quyền con người của bị cáo trong hoạt động xét xử sơ thẩm hình sự được đảm bảo tốt hơn kể từ thời điểm Hiến pháp năm 2013 có hiệu lực và là cơ sở để xây dựng Bộ luật TTHS, BLHS và các đạo luật khác. Không dừng lại ở đó, Hiến pháp năm 2013 cũng quy định rõ các nội dung quyền công dân gắn liền với bị cáo khi tham gia quá trình xét xử như: Công dân Việt Nam không thể bị trục xuất, giao nộp cho nhà nước khác. Mọi người có quyền bất khả xâm phạm về thân thể, được pháp luật bảo hộ về sức khỏe, danh dự và nhân phẩm; không bị tra tấn, bạo lực, truy bức, nhục hình hay bất kỳ hình thức đối xử nào khác xâm phạm thân thể, sức khỏe, xúc phạm danh dự, nhân phẩm. Người bị buộc tội phải được Tòa án xét xử kịp thời trong thời hạn luật định, công bằng, công khai. Trường hợp xét xử kín theo quy định của luật thì việc tuyên án phải được công khai; Không bị kết án hai lần vì một tội phạm. Quyền tự bào chữa, nhờ luật sư hoặc người khác bào chữa; Quyền được bồi thường thiệt hại về vật chất, tinh thần và phục hồi danh dự.

Dựa trên sự ghi nhận về quyền con người, quyền công dân nói chung và ghi nhận về quyền của người bị buộc tội tại Hiến pháp 2013, Bộ luật TTHS đã cụ thể hóa thành các nguyên tắc tổ tụng và các quyền năng cụ thể. Bộ luật TTHS năm 2015 có hiệu lực pháp luật từ ngày 01/01/2018, ngoài việc kế thừa các quy định của BLTTHS năm 2003, còn quy định rộng hơn, toàn diện hơn

về đảm bảo quyền con người đối với bị cáo. Các quy định của pháp luật TTHS có vị trí quan trọng trong việc bảo vệ quyền con người đối với bị cáo, trên cơ sở quy định chặt chẽ các trình tự, thủ tục trong quá trình giải quyết vụ án của các cơ quan, người tiến hành tố tụng, nhằm tôn trọng quyền con người, tránh sự lợi dụng của cơ quan và người có thẩm quyền khi tiến hành tố tụng.

Xét xử là hoạt động trung tâm của quá trình giải quyết vụ án hình sự thể hiện bản chất của nền tư pháp quốc gia nên việc bảo vệ quyền con người được thể hiện tập trung nhất trong hoạt động xét xử của Tòa án. Tòa án, trước hết phải được nhận thức là công cụ để bảo vệ quyền con người thông qua hoạt động xét xử độc lập, khách quan, công bằng bởi thủ tục tố tụng chặt chẽ, minh bạch tạo thuận lợi cho hoạt động bào chữa cũng như hạn chế việc lợi dụng việc tiến hành tố tụng xâm phạm quyền con người của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Như vậy, khi đề cập đến những bảo đảm pháp lý TTHS đối với việc thực hiện quyền con người đối với bị cáo trong xét xử sơ thẩm vụ án hình sự phải xem xét cả khía cạnh lập pháp và khía cạnh thực thi pháp luật TTHS với tiêu chí hoạt động xét xử khách quan, công bằng, công khai và do một Tòa án độc lập tiến hành.

Bảo đảm pháp lý TTHS đối với việc thực hiện quyền con người đối với bị cáo trong xét xử sơ thẩm vụ án hình sự là sự ghi nhận yêu cầu đảm bảo một số nội dung cơ bản như:

*Một là*, yêu cầu tuân thủ các nguyên tắc tố tụng hình sự trong giai đoạn xét xử vụ án hình sự được quy định trong Bộ luật TTHS. Đây là cơ sở pháp lý quan trọng bởi các nội dung nguyên tắc đã bao hàm đầy đủ và khái quát các nội dung quyền của bị cáo trong giai đoạn xét xử sơ thẩm.

*Hai là*, quy định cụ thể địa vị pháp lý, quyền và nghĩa vụ của bị cáo; đảm bảo cho bị cáo được hưởng quyền và buộc thực hiện nghĩa vụ pháp lý; nhiệm vụ, quyền hạn, của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng

trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự, trách nhiệm pháp lý đối với hành vi vi phạm. Mặc dù hiện nay Bộ luật TTHS đã quy định quyền của mỗi chủ thể khi tham gia xét xử sơ thẩm tuy nhiên trong quá trình xét xử thực tế, việc thực thi những nội dung quyền này còn nhiều bất cập bởi quy định chưa rõ ràng, còn quá chung chung nên không có cơ sở để thực hiện.

*Ba là*, quy định cụ thể việc thu thập tài liệu, chứng cứ liên quan đến việc buộc tội, gỡ tội, việc quản lý, sử dụng chứng cứ và quá trình chứng minh trong giai đoạn xét xử vụ án hình sự. Mặc dù Bộ luật TTHS và văn bản dưới luật đã có những hướng dẫn cụ thể nhưng việc thu thập và sử dụng chứng cứ, nghĩa vụ chứng minh là cơ sở quan trọng để gỡ tội cho bị cáo nên cần thiết phải quy định cụ thể và rõ ràng hơn nữa.

*Bốn là*, quy định về điều kiện và thủ tục áp dụng các biện pháp cưỡng chế tố tụng nói chung, các biện pháp ngăn chặn nói riêng đối với bị cáo trong giai đoạn xét xử vụ án hình sự phù hợp với nhân thân, điều kiện, hoàn cảnh của bị cáo và những người liên quan khác. Việc áp dụng các biện pháp cưỡng chế và biện pháp ngăn chặn về bản chất là sự vận dụng pháp luật tố tụng để hạn chế quyền của bị cáo, bởi vậy, cần đảm bảo việc vận dụng này không tùy tiện, có đầy đủ căn cứ hợp pháp và cần thiết mới được tiến hành.

*Năm là*, quy định các thủ tục tố tụng hình sự cụ thể, dân chủ, công khai trong giai đoạn xét xử vụ án hình sự; quy định quyền hạn, trách nhiệm của người tiến hành tố tụng, cơ quan tiến hành tố tụng. Việc minh bạch về trình tự cũng như công khai xét xử sơ thẩm sẽ góp phần đảm bảo cho bị cáo được thực hiện quyền chính đáng của mình một cách hợp pháp.

*Sáu là*, quy định và thực hiện giám sát việc tuân theo pháp luật trong hoạt động của cơ quan, người tiến hành tố tụng trong giai đoạn xét xử vụ án hình sự. Cùng với cơ chế phân bổ quyền cho người tiến hành tố tụng cũng cần

đảm bảo cơ chế giám sát người tiến hành tố tụng và xử lý vi phạm đối với người tiến hành tố tụng khi có hành vi vi phạm quyền của bị cáo.

*Bây là*, quy định đầy đủ và chặt chẽ hậu quả tố tụng, chế độ trách nhiệm đối với các quyết định oan, sai đối với bị cáo trong giai đoạn xét xử vụ án hình sự. Hiện nay, Luật Bồi thường Nhà nước là cơ sở pháp lý quan trọng nhằm đảm bảo quyền lợi chính đáng của bị cáo trong trường hợp cơ quan tiến hành tố tụng xử lý oan sai vụ việc. Việc bồi thường phải được thực hiện nghiêm túc và đúng quy trình, đảm bảo bị cáo bị oan sai trong vụ án hình sự được bồi thường theo đúng những thiệt hại thực tế vì hành vi điều tra, truy tố và xét xử không đúng của cơ quan tiến hành tố tụng.

#### ***1.4.2. Bảo đảm về cơ chế thực hiện***

Trên cơ sở Hiến pháp 2013, Luật tổ chức TAND năm 2014 và Luật tổ chức VKSND năm 2014 được xây dựng dựa trên những nguyên tắc đảm bảo quyền con người, quyền công dân của bị cáo trong thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình. Chính vì vậy Luật Tổ chức TAND năm 2014 quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của TAND; về Thẩm phán, Hội thẩm và các chức danh khác trong TAND; về bảo đảm hoạt động của TAND. Đồng thời, Luật tổ chức TAND năm 2014 cũng bổ sung những cơ chế để đảm bảo quyền của bị cáo trong xét xử như:

- Bổ sung nguyên tắc bảo đảm tranh tụng trong xét xử: Điều 13 Luật Tổ chức TAND năm 2014 quy định Tòa án có trách nhiệm bảo đảm cho những người tham gia tố tụng thực hiện quyền tranh tụng trong xét xử. Việc thực hiện nguyên tắc tranh tụng trong xét xử theo quy định của luật tố tụng.

- Trách nhiệm chứng minh tội phạm và bảo đảm quyền bào chữa của bị can, bị cáo, quyền bảo vệ lợi ích hợp pháp của đương sự: Điều 14 của Luật tổ chức Tòa án nhân dân năm 2014 khẳng định người bị buộc tội được coi là không có tội cho đến khi được chứng minh theo trình tự luật định và có bản

án kết tội của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật. Quyền bào chữa của bị can, bị cáo, quyền bảo vệ lợi ích hợp pháp của đương sự được bảo đảm.

- Quy định những việc Thẩm phán không được làm: Điều 77 của Luật quy định những việc không được làm này bao gồm: (i) Những việc pháp luật quy định cán bộ, công chức không được làm; (ii) Tư vấn cho bị can, bị cáo, đương sự hoặc người tham gia tố tụng khác làm cho việc giải quyết vụ án hoặc những việc khác không đúng quy định của pháp luật; (iii) Can thiệp trái pháp luật vào việc giải quyết vụ án hoặc lợi dụng ảnh hưởng của mình tác động đến người có trách nhiệm giải quyết vụ án; (iv) Dem hồ sơ vụ án hoặc tài liệu trong hồ sơ vụ án ra khỏi cơ quan, nếu không vì nhiệm vụ được giao hoặc không được sự đồng ý của người có thẩm quyền; (v) Tiếp bị cáo, đương sự hoặc người tham gia tố tụng khác trong vụ án mà mình có thẩm quyền giải quyết không đúng nơi quy định.

Bên cạnh các quy định của Luật tổ chức TAND năm 2014, còn có Luật tổ chức VKSND năm 2014 cũng quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của VKSND là cơ quan thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử hình sự, hoạt động của VKSND cũng có ảnh hưởng nhất định đến việc thực hiện quyền con người trong xét xử sơ thẩm vụ án hình sự.

Các quy định trên là bảo đảm về cơ chế thực hiện, đó là cơ chế về tổ chức (chủ thể tiến hành tố tụng) và biện pháp, cơ chế phối hợp thực hiện, cơ chế giám sát nhằm bảo đảm pháp lý TTTHS đối với việc thực hiện quyền con người đối với bị cáo trong xét xử sơ thẩm vụ án hình sự.

#### ***1.4.3. Bảo đảm về mặt nhận thức, năng lực thực hiện của chủ thể***

Hoạt động xét xử nói chung, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự nói chung là hoạt động TTTHS của Nhà nước, có liên quan chặt chẽ đến quyền tự do, dân chủ của công dân. Hoạt động TTTHS là nơi các biện pháp cưỡng chế Nhà nước được áp dụng phổ biến nhất, và vì vậy là nơi quyền tự do dân chủ của công

dân có nguy cơ dễ bị xâm hại nhất. Thực tiễn tố tụng những năm qua cho thấy còn nhiều trường hợp các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng vi phạm quyền con người của bị cáo trong hoạt động xét xử. Như quyền bào chữa, một quyền đặc thù, cơ bản của công dân, một nguyên tắc hiến định được tất cả các bản Hiến pháp Việt Nam ghi nhận, nhưng việc bảo đảm quyền này hiện nay vẫn còn nhiều bất cập. Các cơ quan tố tụng, đặc biệt là các chủ thể tiến hành tố tụng thường có tâm lý không muốn sự xuất hiện của người bào chữa, nhất là luật sư. Mặt khác, bản thân bị cáo cũng chưa nhận thức được đầy đủ quyền bào chữa mà pháp luật đã qui định cho họ, bên cạnh đó một số người bào chữa thuộc trường hợp bào chữa chỉ định lại có tâm lý bào chữa qua loa cho xong, chưa thực sự đầu tư thời gian, công sức và chuyên môn để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người được bào chữa.

Những vi phạm trong việc bảo đảm pháp lý TTHS đối với việc thực hiện quyền con người đối với bị cáo trong xét xử sơ thẩm vụ án hình sự xảy ra do nhiều nguyên nhân, ngoài nguyên nhân do bất cập, hạn chế của pháp luật, còn có phần quan trọng do nhận thức, thái độ và trình độ năng lực của người tiến hành tố tụng. Trong hoạt động xét xử, TAND nhân danh nước cộng hòa XHCN Việt Nam để tuyên một bản án công bằng, công khai, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật. Chính vì vậy, hoạt động xét xử là hoạt động của Nhà nước liên quan rất chặt chẽ tới quyền tự do, dân chủ của công dân. Còn KSV, đại diện VKSND tham gia phiên tòa, thay mặt Nhà nước thực hành quyền công tố, kiểm sát việc tuân theo pháp luật của HĐXX và những người tham gia tố tụng khác. Để đảm bảo quyền con người, quyền công dân cho bị cáo thì những người tiến hành tố tụng trong giai đoạn xét xử phải sáng suốt, công bằng. Vì vậy, có thể nói, bảo đảm về mặt nhận thức, năng lực thực hiện của chủ thể là yếu tố quan trọng bảo đảm pháp lý TTHS đối với việc

thực hiện quyền con người trong TTHS nói chung, quyền con người đối với bị cáo trong xét xử sơ thẩm vụ án hình sự nói riêng.

Bảo đảm về mặt nhận thức, năng lực thực hiện của chủ thể nhằm bảo đảm pháp lý TTHS đối với bị cáo trong xét xử sơ thẩm vụ án hình sự là sự ghi nhận yêu cầu đảm bảo một số nội dung cơ bản như:

*Một là*, nâng cao nhận thức và năng lực của chủ thể tiến hành tố tụng, trọng tâm là tăng cường công tác đào tạo đội ngũ những người tiến hành tố tụng, đối với Tòa án là Thẩm phán, Thẩm tra viên, Thư ký, Hội thẩm nhân dân; đối với VKS là KSV, Kiểm tra viên. Bên cạnh đó, phải thường xuyên tổ chức các lớp tập huấn nghiệp vụ chuyên sâu về kỹ năng và phương pháp trong thực hiện chức năng, nhiệm vụ, để những người tiến hành tố tụng kịp thời tiếp thu những quy định mới của pháp luật.

*Hai là*, tăng cường giáo dục, tuyên truyền qua các phương tiện thông tin đại chúng, trong các cuộc thi tìm hiểu về pháp luật, tại các trường học, tổ chức xã hội... về quyền, nghĩa vụ của người dân khi tham gia tố tụng hình sự. Đảm bảo cho việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình.

### **Kết Luận Chương 1**

Xét xử sơ thẩm là giai đoạn tố tụng quan trọng nhất trong quá trình giải quyết vụ án hình sự. Trong giai đoạn này, có thể bị cáo đã và đang bị áp dụng một biện pháp ngăn chặn, sau khi bị kết án, tư cách tham gia tố tụng của bị cáo thành bị án, có thể tiếp tục bị áp dụng biện pháp ngăn chặn là tạm giam, hay được trả tự do tại phiên tòa, hoặc có thể đợi ngày bản án có hiệu lực pháp luật thì đi chấp hành án, vì vậy bị cáo là chủ thể có nguy cơ dễ bị xâm hại về quyền con người. Việc bảo đảm quyền con người đối với bị cáo trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự phụ thuộc rất lớn vào các quy định của pháp luật và các hoạt động tố tụng của VKSND và TAND.



Chương 1 đã phân tích và đưa ra khái niệm quyền con người của bị cáo trong xét xử sơ thẩm vụ án hình sự là các quyền con người, quyền cơ bản của công dân nói chung và quyền năng pháp lý của bị cáo trong xét xử sơ thẩm vụ án hình sự, cũng như nghĩa vụ bảo đảm thực hiện của nhà nước; bảo đảm pháp lý TTTHS đối với việc thực hiện quyền con người đối với bị cáo trong xét xử sơ thẩm vụ án hình sự là việc quy định trong Bộ luật TTTHS và sự bảo đảm của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng và các cơ quan khác cho bị cáo được thực hiện trên thực tế một cách đầy đủ và hợp pháp các quyền được pháp luật quy định trong quá trình xét xử sơ thẩm vụ án hình sự.

Trên cơ sở đó phân tích các nội dung của bảo đảm pháp lý TTTHS đối với việc thực hiện quyền con người đối với bị cáo trong xét xử sơ thẩm vụ án hình sự; đó là bảo đảm bằng việc quy định các quyền của bị cáo và nghĩa vụ của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong xét xử sơ thẩm vụ án hình sự; các yếu tố bảo đảm pháp lý TTTHS đối với bị cáo trong xét xử sơ thẩm vụ án hình sự gồm bảo đảm về mặt cơ sở pháp lý, cơ chế thực hiện và nhận thức, năng lực thực hiện của chủ thể.

## **Chương 2**

### **THỰC TRẠNG BẢO ĐẢM PHÁP LÝ TTTHS ĐỐI VỚI VIỆC THỰC HIỆN QUYỀN CON NGƯỜI ĐỐI VỚI BỊ CÁO TRONG XÉT XỬ SƠ THẨM VỤ ÁN HÌNH SỰ TỪ THỰC TIỄN TỈNH BÌNH THUẬN**

#### **2.1. Tổng quan về tình hình xét xử sơ thẩm án hình sự trên địa bàn tỉnh Bình Thuận**

##### **2.1.1. Tình hình chung**

Bình Thuận là một tỉnh duyên hải Nam Trung bộ, liền kề với vùng kinh tế trọng điểm phía Nam. Diện tích tự nhiên 7.830 km<sup>2</sup>, dân số khoảng 1,165 triệu người. Phía Bắc và Đông Bắc giáp Ninh Thuận, phía Tây Bắc giáp Lâm Đồng, phía Tây giáp Đồng Nai và phía Tây Nam giáp Bà Rịa - Vũng Tàu. Tỉnh có 10 đơn vị hành chính bao gồm: 1 thành phố, 1 thị xã và 8 huyện. Do nằm gần vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, Bình Thuận có vị trí thuận lợi để phát triển kinh tế, cách Thành phố Hồ Chí Minh 200 km, cách Bà Rịa Vũng Tàu 120 km, có Quốc lộ 1A, Quốc lộ 55, Quốc lộ 28, đường sắt Bắc - Nam đi qua. Thiên nhiên đã ưu đãi cho Bình Thuận nguồn tài nguyên tương đối phong phú và đa dạng để phát triển ngành kinh tế biển, nông lâm nghiệp, công nghiệp chế biến, khai thác và đặc biệt là dịch vụ du lịch. Trong những năm qua kinh tế công nghiệp và dịch vụ của tỉnh Bình Thuận phát triển nhanh và mạnh, cơ cấu kinh tế đang chuyển dịch theo hướng trở thành một tỉnh công nghiệp - dịch vụ theo hướng hiện đại, năng động; cơ sở hạ tầng kinh tế và xã hội hiện đại, đồng bộ liên thông với cả nước và quốc tế.

Song song với những chuyển biến tích cực về kinh tế - xã hội, trong những năm gần đây tình hình tội phạm trên địa bàn tỉnh Bình Thuận cũng diễn biến ngày càng phức tạp, nhiều loại tội phạm gia tăng, với tính chất, mức độ ngày càng nghiêm trọng, phương thức, thủ đoạn ngày càng nguy hiểm hơn.

Tình hình tội phạm gia tăng, dẫn đến số vụ án hình sự được TAND hai cấp của tỉnh Bình Thuận đưa ra xét xử sơ thẩm cũng tăng.

### **2.1.2. Kết quả xét xử sơ thẩm án hình sự trên địa bàn tỉnh Bình Thuận**

Theo số liệu thống kê của Phòng Thống kê tội phạm và Công nghệ thông tin VKSND tỉnh Bình Thuận, kết quả xét xử sơ thẩm án hình sự của TAND hai cấp tỉnh Bình Thuận và kết quả xét xử phúc thẩm đối với án sơ thẩm của TAND hai cấp tỉnh Bình Thuận trong 3 năm gần đây (2015-2017) như sau:

- Số liệu xét xử sơ thẩm của TAND tỉnh Bình Thuận

|                                      | 2015 |     | 2016 |     | 2017 |     | TỔNG<br>3 NĂM |     |
|--------------------------------------|------|-----|------|-----|------|-----|---------------|-----|
|                                      | VỤ   | BC  | VỤ   | BC  | VỤ   | BC  | VỤ            | BC  |
| <b>ĐÃ XÉT XỬ SƠ THẨM</b>             | 103  | 145 | 121  | 167 | 134  | 181 | 358           | 493 |
| Trong đó: - Miễn trách nhiệm hình sự | 0    | 0   | 0    | 0   | 0    | 0   | 0             | 0   |
| - Phạt tiền                          | 0    | 0   | 0    | 0   | 0    | 0   | 0             | 0   |
| - Cải tạo không giam giữ             |      | 1   |      |     |      | 2   |               | 3   |
| - Phạt tù cho hưởng án treo          |      | 11  |      | 14  |      | 17  |               | 42  |
| - Tù dưới 3 năm                      |      | 17  |      | 23  |      | 29  |               |     |
| - Tù từ 3 năm đến dưới 7 năm         |      | 53  | 121  | 44  |      | 31  |               | 393 |
| - Tù từ 7 năm đến dưới 15 năm        |      | 26  |      | 39  |      | 57  |               |     |
| - Tù từ 15 năm đến 20 năm            |      | 21  |      | 29  |      | 24  |               |     |
| - Tù chung thân                      |      | 9   |      | 12  |      | 13  |               | 34  |
| - Tử hình                            |      | 7   |      | 6   |      | 8   |               | 21  |

- Số liệu xét xử sơ thẩm của TAND cấp huyện thuộc tỉnh Bình Thuận

|                               | 2015 |      | 2016 |      | 2017 |      | TỔNG<br>3 NĂM |      |
|-------------------------------|------|------|------|------|------|------|---------------|------|
|                               | VỤ   | BC   | VỤ   | BC   | VỤ   | BC   | VỤ            | BC   |
| ĐÃ XÉT XỬ SƠ THẨM             | 721  | 1015 | 847  | 1169 | 938  | 1267 | 2506          | 3451 |
| - Miễn trách nhiệm hình sự    |      | 1    |      |      |      | 1    |               | 2    |
| - Phạt tiền                   |      | 2    |      | 3    |      | 4    |               | 9    |
| - Cải tạo không giam giữ      |      | 1    |      | 1    |      | 3    |               | 5    |
| - Phạt tù cho hưởng án treo   |      | 167  |      | 179  |      | 183  |               | 529  |
| - Tù dưới 3 năm               |      | 334  |      | 358  |      | 366  |               | 1058 |
| - Tù từ 3 năm đến dưới 7 năm  |      | 398  |      | 508  |      | 579  |               | 1485 |
| - Tù từ 7 năm đến dưới 15 năm |      | 112  |      | 120  |      | 131  |               | 363  |

- Kết quả xét xử phúc thẩm của Tòa phúc thẩm TAND tối cao và TAND cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh đối với bản án sơ thẩm của TAND tỉnh Bình Thuận

|                           | 2015 |     | 2016 |     | 2017 |     | TỔNG<br>3 NĂM |     |
|---------------------------|------|-----|------|-----|------|-----|---------------|-----|
|                           | VỤ   | BC  | VỤ   | BC  | VỤ   | BC  | VỤ            | BC  |
| ĐÃ XÉT XỬ PHÚC THẨM       | 91   | 126 | 105  | 146 | 117  | 158 | 313           | 430 |
| Trong đó: - Y án          |      | 102 |      | 114 |      | 118 |               | 334 |
| - Sửa án (tăng hình phạt) |      | 3   |      | 5   |      | 6   |               | 14  |
| - Sửa án (giảm hình phạt) |      | 13  |      | 17  |      | 21  |               | 51  |
| - Hủy điều tra lại        |      | 7   |      | 10  |      | 12  |               | 29  |
| - Hủy xét xử lại          |      | 1   |      | 0   |      | 1   |               | 2   |

- Kết quả xét xử phúc thẩm của TAND tỉnh Bình Thuận đối với bản án sơ thẩm của TAND cấp huyện thuộc tỉnh Bình Thuận:

|                                                   | 2015 |     | 2016 |     | 2017 |     | TỔNG<br>3 NĂM |     |
|---------------------------------------------------|------|-----|------|-----|------|-----|---------------|-----|
|                                                   | VỤ   | BC  | VỤ   | BC  | VỤ   | BC  | VỤ            | BC  |
| <b>ĐÃ XÉT XỬ PHÚC THẨM</b>                        | 166  | 233 | 199  | 187 | 110  | 143 | 475           | 563 |
| Trong đó: - Y án                                  |      | 175 |      | 95  |      | 106 |               | 376 |
| - Sửa án (tăng hình phạt)                         |      | 3   |      | 1   |      |     |               | 4   |
| - Sửa án (giảm hình phạt)                         |      | 22  |      | 64  |      | 28  |               | 114 |
| - Sửa án theo kháng nghị phúc thẩm của VKSND tỉnh |      | 10  |      | 11  |      | 2   |               | 23  |
| - Hủy điều tra lại                                |      | 3   |      |     |      |     |               | 3   |
| - Hủy xét xử lại                                  |      |     |      | 4   |      |     |               | 4   |

Qua số liệu xét xử sơ thẩm của TAND hai cấp tỉnh Bình Thuận cho thấy án hình sự có xu hướng ngày càng tăng ở cả cấp tỉnh và cấp huyện. Về chất lượng xét xử sơ thẩm của TAND hai cấp tỉnh Bình Thuận, căn cứ vào kết quả xét xử phúc thẩm của Tòa phúc thẩm TAND tối cao và TAND cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh đối với bản án sơ thẩm của TAND tỉnh Bình Thuận; của TAND tỉnh Bình Thuận đối với bản án sơ thẩm của TAND cấp huyện thuộc tỉnh Bình Thuận cho thấy chất lượng xét xử sơ thẩm về cơ bản được đảm bảo, nhưng vẫn xảy ra tình trạng hủy án để điều tra lại, là những trường hợp quá trình điều tra, truy tố có thiếu sót nhưng Tòa án sơ thẩm không phát hiện; hoặc hủy án để xét xử sơ thẩm lại, là những trường hợp xét xử có vi phạm về thủ tục tố tụng, phải hủy để xét xử lại cho đảm bảo về mặt thủ tục; một số trường hợp xử mức án nhẹ, nên cấp phúc thẩm phải tăng án.

## **2.2. Thực trạng bảo đảm pháp lý TTHS đối với việc thực hiện quyền con người đối với bị cáo trong xét xử sơ thẩm vụ án hình sự trên địa bàn tỉnh Bình Thuận**

### ***2.2.1. Những kết quả đạt được***

Trước hết về mặt lập pháp, việc bảo đảm pháp lý TTHS đối với việc thực hiện quyền con người đối với bị cáo trong xét xử sơ thẩm vụ án hình sự được thể hiện ở việc hoàn thiện pháp luật về quyền con người đối với bị cáo. Bộ luật TTHS năm 2015 đã có nhiều sửa đổi so với Bộ luật TTHS năm 2003, không những quy định cụ thể, rõ ràng hơn mà còn mở rộng quyền của bị cáo, đảm bảo tính công bằng, công khai trong hoạt động xét xử. Để bảo đảm quyền của bị cáo được thực hiện trên thực tế, pháp luật đã quy định các nguyên tắc trong tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước, đặc biệt là nguyên tắc tổ chức và hoạt động của các CQĐT, VKS và Tòa án. Trong mỗi hệ thống cơ quan này, pháp luật có những quy định riêng, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của từng cơ quan. Đối với Tòa án có các nguyên tắc như nguyên tắc xét xử độc lập chỉ tuân theo pháp luật; xét xử kịp thời, công khai, công bằng; suy đoán vô tội; nguyên tắc xét xử sơ thẩm, phúc thẩm được bảo đảm... Đồng thời, pháp luật cũng quy định trách nhiệm của các chủ thể tiến hành tố tụng như Điều tra viên, KSV, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, và chủ thể tham gia tố tụng người bào chữa, người phiên dịch, người giám định, người làm chứng. Ngoài ra, bảo đảm pháp lý TTHS đối với việc thực hiện quyền con người đối với bị cáo trong xét xử sơ thẩm vụ án hình sự còn thể hiện trong các quy định về chứng cứ, quá trình đánh giá chứng cứ, chứng minh trong TTHS, các biện pháp ngăn chặn trong TTHS; các quy định về trình tự, thủ tục xét xử. Để bảo đảm tốt hơn quyền của người khiếu nại Bộ luật TTHS năm 2015 đã sửa đổi, bổ sung theo hướng bổ sung quyền của bị cáo được thông qua người bào chữa, người đại diện thực hiện quyền khiếu

nại; xác định rõ thẩm quyền, trách nhiệm giải quyết khiếu nại, tố cáo của các cơ quan tiến hành tố tụng phù hợp với Luật tổ chức TAND năm 2014, Luật tổ chức VKSND năm 2014; quy định cụ thể thẩm quyền, trách nhiệm giải quyết khiếu nại, tố cáo của người đứng đầu cơ quan tiến hành tố tụng.

Thực tiễn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự tại tỉnh Bình Thuận cho thấy việc thực hiện quyền con người đối với bị cáo trong xét xử sơ thẩm được bảo đảm. TAND hai cấp của tỉnh Bình Thuận đã chấp hành nghiêm túc các quy định của pháp luật về thực hiện quyền con người đối với bị cáo trong xét xử sơ thẩm vụ án hình sự, bảo đảm đầy đủ các quyền của bị cáo như quyền được tham gia phiên tòa; được giải thích về quyền và nghĩa vụ; đưa ra tài liệu, đồ vật, yêu cầu; trình bày ý kiến, tranh luận tại phiên tòa; tự bào chữa hoặc nhờ người khác bào chữa; thành phần HĐXX tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật; các nguyên tắc cơ bản trong hoạt động tố tụng hình sự liên quan tới quyền của bị cáo trong xét xử được bảo đảm thực hiện như nguyên tắc xét xử công khai; nguyên tắc suy đoán vô tội; góp phần nhận thức đúng đắn về quyền con người để từ đó bảo đảm quyền của bị cáo trong hoạt động xét xử. Cơ chế giám sát hoạt động xét xử sơ thẩm hình sự cũng được chú trọng theo hướng đảm bảo quyền của các cơ quan giám sát như Hội đồng nhân dân, Mặt trận Tổ quốc cùng cấp. Nhìn chung những kết quả đạt được trong việc bảo đảm pháp lý TTHS đối với việc thực hiện quyền con người đối với bị cáo trong xét xử sơ thẩm vụ án hình sự trên địa bàn tỉnh Bình Thuận cho thấy việc áp dụng và vận dụng pháp luật trong thực tiễn xét xử đã góp phần thay đổi nhận thức, quan điểm về bảo đảm quyền con người của bị cáo trong xét xử.

### ***2.2.2. Những khó khăn, vướng mắc***

Từ các quy định trong Hiến pháp, Bộ luật TTHS, Luật tổ chức TAND, Luật tổ chức VKSND, hoạt động bảo đảm pháp lý TTHS đối với việc thực hiện quyền con người đối với bị cáo trong xét xử sơ thẩm vụ án hình sự ngày

càng được hoàn thiện và thực thi trên thực tế. Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, trong thời gian qua, hoạt động xét xử sơ thẩm vụ án hình sự còn bộc lộ một số khó khăn, vướng mắc làm giảm hiệu quả của việc bảo đảm pháp lý TTTHS đối với việc thực hiện quyền con người đối với bị cáo trong xét xử sơ thẩm vụ án hình sự. Trong đó nổi lên một số vấn đề sau:

*- Thứ nhất, quyền bào chữa của bị cáo chưa được bảo đảm triệt để*

Việc ghi nhận quyền bào chữa trong Hiến pháp và Bộ luật TTTHS cũng như sự ra đời của Luật Luật sư năm 2006 cùng với đội ngũ Luật sư ngày càng tăng về số lượng và chất lượng cho thấy nỗ lực lớn của Nhà nước Việt Nam trong việc bảo đảm quyền bào chữa của bị cáo. Tuy vậy, trên thực tế, quyền bào chữa bị vi phạm dưới rất nhiều hình thức.

Trước hết là các quy định của pháp luật để bảo đảm cho Luật sư thực hiện quyền bào chữa còn nhiều hạn chế. Trong quan hệ tố tụng, nhiều quy định pháp luật vẫn coi trọng địa vị pháp lý của những người tiến hành tố tụng. Một số quy định về quyền của người bào chữa, của Luật sư thiếu tính khả thi, vướng mắc, khiến cho địa vị pháp lý của người bào chữa không được coi trọng, chưa hoàn toàn được độc lập với các chủ thể khác.

Một vấn đề gây tranh cãi nhiều trong giới luật sư hiện nay là vấn đề cấp giấy chứng nhận người bào chữa cho Luật sư theo Bộ luật TTTHS năm 2003 và vấn đề đăng ký bào chữa theo Bộ luật TTTHS năm 2015. Theo quy định của Bộ luật TTTHS năm 2003 thì người bào chữa được xem xét cấp giấy chứng nhận trong thời hạn 03 ngày và Tòa án có quyền từ chối cấp giấy chứng nhận người bào chữa nếu có lý do. Bộ luật TTTHS năm 2015 đã sửa đổi, bổ sung và quy định việc đăng ký bào chữa trong thời hạn 24 giờ. Đối với trường hợp người đại diện hoặc người thân thích của bị cáo bị tạm giam có đơn yêu cầu nhờ người bào chữa thì Bộ luật TTTHS năm 2003 và Bộ luật TTTHS năm 2015 đều quy định cơ quan có thẩm quyền phải hỏi ý kiến bị cáo về việc nhờ người



bào chữa. Quy định như vậy là rườm rà, tốn thêm công sức, thời gian cho người bào chữa cũng như kéo dài thời gian được tiếp cận với Luật sư của bị cáo. Bởi vì trong trường hợp thuận lợi, trong 24 giờ cơ quan tiến hành tố tụng có thể tiếp nhận thủ tục điều kiện bào chữa, sau đó vào nhà tạm giữ, trại tạm giam gặp hỏi người bị cáo và quy định điều kiện bào chữa, thông báo cho người bào chữa. Nhưng có trường hợp bị cáo bị tạm giam ở Trại tạm giam thuộc địa phương khác thì trong thời hạn 24 giờ không thể thực hiện được việc gặp hỏi để lấy ý kiến bị cáo đang bị tạm giam về sự đồng ý hay không đồng ý nhờ Luật sư bào chữa, sau đó cơ quan tiến hành tố tụng vào sổ đăng ký và thông báo cho người đăng ký bào chữa theo quy định. Sẽ phù hợp hơn nếu quy định theo hướng thông báo cho phép người bào chữa được đăng ký bào chữa trước, rồi hỏi ý kiến của bị cáo đang bị tạm giam sau.

Bên cạnh đó, quyền tiếp cận với dịch vụ pháp lý của bị cáo trong một số trường hợp không được đảm bảo, làm cho bị cáo không thực hiện được, hoặc thực hiện không kịp thời, không đầy đủ quyền bào chữa của mình. Hiện nay, theo số liệu thống kê, tại tỉnh Bình Thuận chỉ có khoảng 15% các vụ án hình sự có sự tham gia của người bào chữa; trong đó có khoảng 8% là do các cơ quan tiến hành tố tụng chỉ định bắt buộc. *(Theo số liệu của Phòng Thống kê tội phạm và Công nghệ thông tin VKSND tỉnh Bình Thuận)*

Tình trạng trên ngoài lý do bị cáo và gia đình không có khả năng thuê luật sư, hoặc chưa tin cậy luật sư; còn có phần do trình độ hiểu biết pháp luật của người dân nói chung còn thấp, bị cáo và người nhà không biết mình có quyền nhờ luật sư bào chữa. Một số Luật sư non kém tay nghề, thiếu nhiệt tình, làm ảnh hưởng đến chất lượng của việc bào chữa. Đối với những vụ án mà Luật sư tham gia theo chỉ định thì phần lớn các Luật sư đều tham gia phiên tòa một cách chiếu cố, lấy lệ, chưa thực sự nhiệt tình để bào chữa cho

thân chủ. Một số trường hợp cơ quan tiến hành tố tụng không đảm bảo quyền bào chữa cho bị cáo, vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

Diễn hình như vụ án Nguyễn Văn Trường phạm tội “Hiếp dâm” tại huyện Đ. Bị cáo là người có nhược điểm về tâm thần (theo kết luận giám định pháp y tâm thần) nhưng trong quá trình điều tra, truy tố, CQĐT và VKS không yêu cầu Luật sư bào chữa cho bị cáo theo đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 57 Bộ luật TTHS năm 2003, trong giai đoạn xét xử sơ thẩm Tòa án cũng không thực hiện. Hoặc vụ Nguyễn Bảo Quy phạm tội “Trộm cắp tài sản” tại huyện T, bị cáo là người chưa thành niên, quá trình điều tra, ghi lời khai, hỏi cung bị can tuy có mời người chứng kiến tham gia với tư cách giám hộ, có Luật sư của Trung tâm trợ giúp pháp lý cử tham gia, nhưng những người này không tham dự khi lấy lời khai, hỏi cung, mà sau khi ghi lời khai, hỏi cung bị can thì những người này mới ký vào biên bản, tại phiên tòa sơ thẩm cũng không xác định và triệu tập đại diện hợp pháp của bị cáo.

Nhiều vụ án trong quá trình xét hỏi khi Luật sư đặt câu hỏi với bị cáo và những người tham gia tố tụng khác, bị thẩm phán chủ tọa phiên tòa nhắc là hỏi trùng với nội dung HĐXX và KSV đã hỏi, khi trình bày bản bào chữa của mình, có Luật sư nói dài và họ bị thẩm phán chủ tọa phiên tòa nhắc nhở nói gọn lại. Khi Luật sư bào chữa đưa ra vấn đề yêu cầu tranh luận với KSV, trong nhiều trường hợp, KSV không đáp lại ý kiến của người bào chữa và chủ tọa phiên tòa cũng không yêu cầu KSV đối đáp với người bào chữa.

Thực tiễn hiện nay nguyên tắc suy đoán vô tội chưa được vận dụng triệt để, vai trò của Luật sư vẫn chưa coi trọng nên hoạt động tranh tụng tại nhiều phiên tòa sơ thẩm chưa thực sự chuyển biến về chất theo chủ trương cải cách tư pháp. Thể hiện ở việc HĐXX chưa thật sự coi trọng sự bình đẳng giữa bên buộc tội và bên gỡ tội trong việc đưa ra các chứng cứ, tài liệu hay viện dẫn các quy định pháp luật để HĐXX làm căn cứ ra phán quyết, chưa coi trọng

những chứng cứ, lập luận của Luật sư đưa ra, dẫn đến phán quyết của Tòa án không phù hợp với sự thật khách quan của vụ án.

Điển hình là vụ Nguyễn Xuân Ngọc “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” ở huyện H. Năm 2012, vợ chồng Ngọc thuê nhà hàng để kinh doanh ăn uống, thời gian đầu kinh doanh có hiệu quả nên Ngọc vay thêm tiền để mở rộng kinh doanh nhà hàng và kinh doanh một số lĩnh vực khác. Do nguồn vốn kinh doanh là tiền vay với lãi suất cao và phải trả tiền thuê nhà hàng mỗi tháng, nên lợi nhuận thu được không đủ để thanh toán và duy trì việc kinh doanh, mặt khác Ngọc còn bị thua lỗ trong việc kinh doanh, từ đó nợ ngày càng tăng. Đến tháng 5/2015 thì Ngọc đã nợ của nhiều người và không có khả năng thanh toán. Để có tiền duy trì kinh doanh nhà hàng, trả tiền vay và trả lãi cho những người đã vay trước đó, Ngọc vay tiền với lãi suất cao từ 4% đến 15%/tháng, sau đó Ngọc trả lãi đầy đủ và trả một phần tiền vốn gốc rồi tiếp tục vay thêm số tiền nhiều hơn. Khi hỏi vay tiền, Ngọc nói là để kinh doanh nhà hàng, kinh doanh mỹ phẩm, đầu tư nuôi cá và đưa cho chồng làm công trình xây dựng, nên nhiều người tin tưởng cho vay, Ngọc và chồng là Nguyễn Trung Hòa thay nhau đi nhận tiền. Sau khi nhận được tiền, Ngọc sử dụng một phần vào mục đích kinh doanh nhà hàng, số còn lại dùng vào việc trả nợ (vốn, lãi) và chi tiêu trong gia đình. Bằng thủ đoạn trên, Nguyễn Xuân Ngọc đã chiếm đoạt của 4 người bị hại 1.971.655.000đ. Trong đó, Nguyễn Trung Hòa đồng phạm với Ngọc chiếm đoạt của 2 người bị hại 800.000.000đ. Bị cáo Nguyễn Xuân Ngọc bị xử phạt 14 năm tù, Nguyễn Trung Hòa 12 năm tù. Sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo Nguyễn Xuân Ngọc và Nguyễn Trung Hòa có đơn kháng cáo kêu oan, cho rằng có vay tiền và còn nợ số tiền như bản án sơ thẩm nêu, nhưng cho rằng không có lừa dối ai, bị cáo vay tiền làm ăn thật sự, vừa vay vừa trả lãi lẫn vốn, việc kinh doanh thất bại, lợi nhuận thấp nên dẫn đến nợ càng nhiều nhưng bị cáo vẫn cố gắng tìm mọi cách để trả, không có ý thức

chiếm đoạt của ai. Trong suốt quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đều khai có vay, đã trả một phần và còn nợ số tiền nêu trên, nhưng vay làm ăn, trả nợ và bị thua lỗ thật sự chứ không có ý lừa dối ai. Như vậy việc vay nợ giữa bị cáo Ngọc với các người bị hại trên cơ sở tự nguyện, mục đích vay các bên trình bày cũng rõ ràng là để kinh doanh làm ăn các việc như nêu trên. Tòa án cấp sơ thẩm đã không xem xét toàn diện lời khai của các bị cáo và lập luận của Luật sư mà kết tội bị cáo, trong khi chưa làm rõ việc sử dụng vốn vay của bị cáo Ngọc có đúng mục đích khi vay không? chưa điều tra làm rõ lần nào bị cáo sử dụng tiền vay đúng mục đích, lần nào không, số tiền cụ thể là bao nhiêu? Việc kinh doanh, làm ăn có thật hay không? Ở mức độ nào? Đầu tư từng việc làm ăn lời lỗ ra sao? Có việc kinh doanh bị lỗ nên không trả nợ được như lời khai của bị cáo không? Hay việc kinh doanh làm ăn chỉ là hình thức lừa dối để bị cáo chiếm đoạt tiền của các bị hại để trả nợ cá nhân trước đó, và trả cho những ai, bao nhiêu cũng chưa được điều tra rõ, để trên cơ sở đó mới đánh giá đúng đắn hành vi cấu thành tội phạm, tính chất và mức độ phạm tội của bị cáo. Tòa án cấp sơ thẩm chỉ dựa vào việc đến tháng 5/2013 bị cáo còn nợ hơn 500.000.000đ không có khả năng trả nhưng vẫn vay tiếp để quy kết việc kinh doanh của bị cáo chỉ là hình thức nhằm che giấu hành vi gian dối, quy kết các lần vay sau với số tiền không trả được là lừa đảo chiếm đoạt tài sản là thiếu căn cứ, chưa chứng minh được ý thức gian dối để chiếm đoạt tài sản của bị cáo, cũng không tách bạch được lừa đảo khoản nào, lần nào của số tiền vay. Bản án sơ thẩm nhận định bị cáo đã mất khả năng thanh toán nhưng tiếp tục vay nói dối là để kinh doanh, làm ăn..., thực chất không có kinh doanh gì mà vay lãi suất cao, sử dụng tiền vay không đúng mục đích mà chiếm đoạt tiền của bị hại để trả nợ là nhận định chủ quan chưa phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Từ những thiếu sót trên, Tòa án cấp phúc thẩm đã hủy bản án sơ thẩm để điều tra lại.

*- Thứ hai, thủ tục tố tụng đối với bị cáo là người chưa thành niên còn nhiều bất cập, chưa phù hợp*

Thủ tục tố tụng đối với người chưa thành niên phạm tội được quy định trong phần thủ tục đặc biệt, tại chương XXXII của Bộ luật TTHS năm 2003 và Chương XXVIII của Bộ luật TTHS năm 2015. Tuy nhiên, những quy định cần thiết để bảo đảm quyền lợi cho người chưa thành niên thì chưa đủ, đồng thời những quy định đã có thì chưa được thực hiện chuẩn xác. Điều 302 Bộ luật TTHS năm 2003 quy định: “Những người tiến hành tố tụng đối với người chưa thành niên phạm tội phải là người có những hiểu biết cần thiết về tâm lý học, khoa học giáo dục cũng như về hoạt động đấu tranh phòng, chống tội phạm của người chưa thành niên”. Điều 415 Bộ luật TTHS năm 2015 quy định: “Người tiến hành tố tụng đối với vụ án có người dưới 18 tuổi phải là người đã được đào tạo hoặc có kinh nghiệm điều tra, truy tố, xét xử vụ án liên quan đến người dưới 18 tuổi, có hiểu biết cần thiết về tâm lý học, khoa học giáo dục đối với người dưới 18 tuổi”. Tuy nhiên, quy định này chỉ mang tính hình thức vì trên thực tế, CQĐT và VKS đều chưa có lực lượng nhân sự chuyên biệt để tiến hành tố tụng đối với người chưa thành niên; về phía Tòa án tuy có thành lập Tòa gia đình và người chưa thành niên nhưng việc đào tạo Thẩm phán chuyên sâu lĩnh vực này cũng chưa được thực hiện. Mặt khác, trình tự, thủ tục xét xử đối với người chưa thành niên phạm tội vẫn chưa được quy định cụ thể. Cho nên, các phiên tòa xét xử người chưa thành niên cũng giống như với xét xử người đã thành niên, không hề có sự khác biệt nào dù rằng người chưa thành niên cần phải có môi trường xét xử thân thiện hơn. Không những thế, với những vụ án có đồng phạm là người đã thành niên thì các bị cáo cũng bị đưa ra xét xử trong cùng một vụ án và đều cùng tuân thủ một trình tự tố tụng như nhau, không có sự phân biệt nào.

Bộ luật TTHS có quy định riêng cho người chưa thành niên phạm tội từ giai đoạn điều tra, truy tố, vậy tại sao tại phiên tòa lại không thể hiện được những chính sách mà Nhà nước ưu tiên giành cho những đối tượng này? Ngoài ra, BLHS quy định không xử phạt tù chung thân hoặc tử hình đối với người chưa thành niên phạm tội cho thấy rằng việc xử lý người chưa thành niên phạm tội không nhằm mục đích trừng trị mà chủ yếu là để giáo dục, giúp đỡ họ sửa chữa sai lầm, phát triển lành mạnh và trở thành công dân có ích cho xã hội. Nếu sau khi chấp hành hình phạt mà việc tái hòa nhập trở nên khó khăn, không có cơ hội làm lại cuộc đời dẫn đến ngựa quen đường cũ thì thà phải chịu một mức án nặng ban đầu còn tốt hơn. Để cho việc tái hòa nhập của người chưa thành niên được đảm bảo về sau, thiết nghĩ, các phiên tòa xét xử người chưa thành niên cần phải được xử kín. Bộ luật TTHS năm 2003 và Bộ luật TTHS năm 2015 đều có quy định trong trường hợp cần thiết, Tòa án có thể quyết định xét xử kín. Do vậy, đối với các vụ án mà bị cáo là người chưa thành niên thì cần phải xét xử kín và tuyên án công khai là được. Việc xét xử kín sẽ tránh cho bị cáo tâm lý nặng nề bị sự phán xét của dư luận.

*- Thứ ba, tình trạng xét xử oan sai vẫn còn xảy ra*

Theo số liệu xét xử phúc thẩm đối với các bản án sơ thẩm của TAND hai cấp tỉnh Bình Thuận đã nêu trên, cho thấy từ năm 2015 đến 2017 Tòa phúc thẩm TAND tối cao và TAND cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm hủy án sơ thẩm của TAND tỉnh Bình Thuận để điều tra lại đối với 29 bị cáo, hủy án sơ thẩm để xét xử lại đối với 2 bị cáo, sửa án sơ thẩm theo hướng tăng hình phạt đối với 14 bị cáo. TAND tỉnh Bình Thuận xét xử phúc thẩm hủy án sơ thẩm của TAND cấp huyện thuộc tỉnh Bình Thuận để điều tra lại đối với 3 bị cáo, hủy án sơ thẩm để xét xử lại đối với 4 bị cáo, sửa án sơ thẩm theo hướng tăng hình phạt đối với 4 bị cáo. Đây là các trường hợp quá trình xét xử sơ thẩm có vi phạm thiếu sót dẫn đến hủy án và sửa án.

Nếu nhìn nhận ở ý nghĩa của việc giải quyết vụ án theo nguyên tắc hai cấp xét xử thì có thể nói rằng nguyên tắc này đã phát huy được việc bảo đảm việc xét xử đúng người, đúng tội, không làm oan người vô tội. Nhưng nếu nhìn nhận ở góc độ chất lượng xét xử sơ thẩm thì việc xét xử oan sai của cấp sơ thẩm đã làm ảnh hưởng một loạt các quyền con người của những người bị oan sai, đặc biệt là những quyền con người cơ bản.

Diễn hình cho việc xét xử oan sai tại tỉnh Bình Thuận không thể không nhắc đến “Kỳ án vườn điều” với việc 09 thành viên trong gia đình bà Nguyễn Thị Lâm, trú tại xã Tân Minh, huyện Hàm Tân, Bình Thuận bị tạm giam oan sai, xét xử oan sai, tạm giam kéo dài, xét xử kéo dài. Sau 07 năm trời bị cuốn vào vòng lao lý, cuối cùng ba thế hệ trong gia đình bà Lâm cũng được đình chỉ điều tra, trả tự do vì không đủ chứng cứ buộc tội. Sau đó là vụ án Huỳnh Văn Nén bị tạm giam oan sai, xét xử oan sai, thời gian tạm giam trên 17 năm.

Trong thực tế, các vụ án càng phức tạp thì nguy cơ bị cáo phải áp dụng biện pháp tạm giam lại càng lớn, thời gian điều tra đồng nghĩa với thời gian tạm giam lại càng lâu. Trong khi đó việc điều tra phiên diện, không đầy đủ lại dễ dẫn đến nguy cơ xét xử oan sai. Việc xét xử oan sai sẽ xâm hại nghiêm trọng đến quyền con người của bị cáo.

Những khó khăn, vướng mắc trong việc bảo đảm pháp lý TTTHS đối với việc thực hiện quyền con người đối với bị cáo trong xét xử sơ thẩm vụ án hình sự có nhiều nguyên nhân khách quan và chủ quan.

*Về nguyên nhân khách quan:* Việc thực hiện đường lối đổi mới, xây dựng nền kinh tế thị trường theo định hướng XHCN, xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN của dân, do dân vì dân đã đặt ra nhiệm vụ cần bảo vệ quyền của bị cáo. Trong khi pháp luật về bảo đảm quyền của bị cáo trong hoạt động xét xử sơ thẩm vụ án hình sự mặc dù được quan tâm sửa đổi nhưng chưa theo kịp với những biến đổi nhanh chóng của cuộc sống, nhất là trong bối cảnh hội

nhập và hợp tác quốc tế đang diễn ra nhanh chóng, yêu cầu đấu tranh bảo vệ quyền con người đang đặt ra trách nhiệm lớn cho tất cả các quốc gia.

*Về nguyên nhân chủ quan:* Vấn đề bảo đảm pháp lý TTHS đối với việc thực hiện quyền con người đối với bị cáo trong xét xử sơ thẩm vụ án hình sự chưa được quan tâm đầy đủ, đúng đắn. Những sửa đổi, bổ sung thời gian qua chưa mang tính tổng thể làm cho pháp luật về bảo đảm quyền của bị cáo trong hoạt động xét xử sơ thẩm thiếu sự ổn định. Hoạt động nghiên cứu lý luận và tổng kết thực hiện pháp luật về bảo đảm quyền của bị cáo trong hoạt động xét xử sơ thẩm vụ án hình sự chưa được tiến hành thường xuyên, chưa hiệu quả. Hoạt động hợp tác quốc tế, tham khảo kinh nghiệm các quốc gia khác để nghiên cứu, xây dựng, hoàn thiện pháp luật bảo đảm quyền của bị cáo trong hoạt động xét xử sơ thẩm vụ án hình sự chưa được thực hiện thường xuyên.

### **2.3. Thực trạng các yếu tố bảo đảm pháp lý TTHS đối với bị cáo trong xét xử sơ thẩm hình sự trên địa bàn tỉnh Bình Thuận**

#### **2.3.1. Yếu tố cơ sở pháp lý và triển khai hướng dẫn pháp luật**

Cơ sở pháp lý cho hoạt động bảo đảm việc thực hiện quyền con người đối với bị cáo trong xét xử sơ thẩm vụ án hình sự hiện nay đã tương đối hoàn chỉnh. Ngoài các quy định chung được ghi nhận trong Hiến pháp và Bộ luật TTHS, thì cơ sở pháp lý cho việc bảo đảm việc thực hiện quyền con người đối với bị cáo còn được ghi nhận trong các Nghị quyết của Hội đồng thẩm phán TAND tối cao, nhất là các Nghị quyết về việc hướng dẫn thi hành một số quy định trong Phần “Những quy định chung” và một số quy định trong Phần “Xét xử sơ thẩm” của Bộ luật TTHS. Bên cạnh đó còn có các quy phạm pháp luật có liên quan như Luật Luật sư, Luật tạm giữ tạm giam, Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước, Luật tố cáo.

Các quy định trên là cơ sở pháp lý để các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng vận dụng và áp dụng trong thực tiễn xét xử sơ thẩm



vụ án hình sự. Để triển khai thực hiện, trong thời gian qua ngành TAND và VKSND tỉnh Bình Thuận đã tổ chức các Hội nghị trực tuyến trong toàn ngành để thông báo về nội dung, quy định và giải thích, hướng dẫn thực hiện các quy định mới trong các đạo luật về tư pháp như BLHS, Bộ luật TTHS, Luật Tạm giữ, tạm giam, Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước, Luật tố cáo và các văn bản hướng dẫn thi hành, để vận dụng và áp dụng pháp luật trong thực tiễn giải quyết sơ thẩm các vụ án hình sự.

Thực tế, nhiều vụ án hình sự trọng điểm, nhạy cảm, phức tạp, được dư luận xã hội quan tâm, đã được đưa ra xét xử kịp thời, nghiêm minh đáp ứng yêu cầu chính trị của địa phương, được dư luận đồng tình ủng hộ. Các vụ án phức tạp này thực tế cũng ghi nhận việc áp dụng pháp luật hợp pháp và hợp lý của cơ quan tiến hành tố tụng trong quá trình xét xử sơ thẩm. Qua các phiên tòa, cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng thể hiện rõ vai trò, trách nhiệm của mình, bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho bị hại và đồng thời cũng bảo đảm quyền con người của bị cáo, trên cơ sở Hiến pháp và pháp luật để đưa ra phán quyết thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật.

### ***2.3.2. Yếu tố về mặt tổ chức, cơ chế thực hiện***

Theo quy định của pháp luật, chức năng xét xử thuộc duy nhất về Tòa án. Tổ chức hệ thống Tòa án có nhiều thay đổi kể từ thời điểm Luật Tổ chức TAND năm 2014 có hiệu lực, với việc hình thành một cấp xét xử mới là TAND cấp cao. Cơ chế bảo đảm quyền con người của bị cáo tại phiên tòa xét xử sơ thẩm cũng được bổ sung, làm rõ là cơ sở quan trọng trong việc áp dụng pháp luật. Cụ thể, Luật Tổ chức TAND đã bổ sung cụ thể nguyên tắc bảo đảm tranh tụng trong xét xử hình sự, theo đó, Tòa án có trách nhiệm bảo đảm cho những người tham gia tố tụng thực hiện quyền tranh tụng trong xét xử. Đồng thời, Luật cũng bổ sung rõ ràng hơn nguyên tắc suy đoán vô tội khi xét xử.

Cơ chế thực hiện quyền con người của bị cáo tại phiên tòa xét xử sơ thẩm được bổ sung, làm rõ là cơ sở quan trọng trong việc áp dụng pháp luật. Hiến pháp 2013, ghi nhận một số nguyên tắc bảo đảm các quyền con người, quyền công dân trong đó có các quyền của bị cáo như: Người bị buộc tội được coi là không có tội cho đến khi được chứng minh theo trình tự luật định và có bản án kết tội có hiệu lực pháp luật; Người bị buộc tội phải được Tòa án xét xử kịp thời trong thời hạn luật định, công bằng, công khai. Trường hợp xét xử kín theo quy định của luật thì việc tuyên án phải được công khai; Không ai bị kết án hai lần vì một tội phạm; Người bị bắt, tạm giữ, tạm giam, khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử, có quyền tự bào chữa, nhờ luật sư hoặc người khác bào chữa; Người bị bắt, tạm giữ, tạm giam, khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án trái pháp luật có quyền được bồi thường thiệt hại về vật chất, tinh thần và phục hồi danh dự. Người vi phạm pháp luật trong việc bắt, tạm giữ, tạm giam, khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án gây thiệt hại cho người khác phải bị xử lý theo pháp luật. Luật Tổ chức TAND 2014 đã bổ sung cụ thể nguyên tắc bảo đảm tranh tụng trong xét xử hình sự, theo đó, Tòa án có trách nhiệm bảo đảm cho những người tham gia tố tụng thực hiện quyền tranh tụng trong xét xử. Việc thực hiện nguyên tắc tranh tụng trong xét xử theo quy định của luật tố tụng. Trên nền tảng nguyên tắc hiến định, Bộ luật TTHS năm 2015 đã bổ sung nguyên tắc tranh tụng trong xét xử, theo đó yêu cầu cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng phải cân trọng và có trách nhiệm trong hoạt động chứng minh tội phạm, đảm bảo sự bình đẳng giữa bên buộc tội và bên gỡ tội trong việc xác định sự thật khách quan của vụ án; đặc biệt là nguyên tắc suy đoán vô tội, theo đó khi không đủ và không thể làm sáng tỏ căn cứ để buộc tội, kết tội thì phải kết luận người bị buộc tội không có tội.

Để đạt được yêu cầu xét xử một cách khách quan và công bằng, thì yếu tố quan trọng nhất là Tòa án phải xét xử độc lập. Nhưng trên thực tế, sự độc

lập không phải khi nào cũng được đảm bảo triệt để, làm ảnh hưởng đến việc xét xử, ảnh hưởng đến quyền con người của bị cáo trong xét xử vụ án hình sự. Thực tiễn tại tỉnh Bình Thuận thời gian qua cho thấy có một số yếu tố có thể ảnh hưởng đến sự độc lập trong hoạt động xét xử sơ thẩm vụ án hình sự.

Trước hết là khả năng Tòa án có thể bị chi phối bởi các cơ quan Đảng thông qua các Nghị quyết, chủ trương và đường lối đối với hoạt động xét xử, do đó sự độc lập của Tòa án vẫn có thể bị ảnh hưởng. Ngoài ra, việc các cấp ủy Đảng trực tiếp quản lý công tác cán bộ, trong đó có việc xem xét, quyết định nhân sự cán bộ lãnh đạo và Thẩm phán Tòa án các cấp càng làm tăng thêm khả năng bị chi phối trong xét xử vụ án hình sự.

Bên cạnh đó Tòa án còn có thể bị ảnh hưởng bởi quyền lực nhà nước ở địa phương với việc Chánh án TAND tỉnh chịu trách nhiệm và báo cáo công tác trước Hội đồng nhân dân cùng cấp, trả lời chất vấn của đại biểu Hội đồng nhân dân, các cơ quan của Hội đồng nhân dân có thể giám sát hoạt động của Tòa án; kể cả giám sát xét xử các vụ án cụ thể.

Tòa án còn có thể bị chi phối bởi cơ quan hành pháp cùng cấp với việc quyết định những vấn đề về ngân sách, cơ sở vật chất, điều kiện hoạt động của Tòa án. Do đó dẫn đến một thực tế là, cơ quan Tòa án khó có thể độc lập, mà chịu sự chi phối và lệ thuộc cơ quan hành pháp. Đồng thời, Tòa án còn có thể bị chi phối bởi mối quan hệ giữa các cấp Tòa án, trên thực tế, ngoài hoạt động tố tụng, trong cơ cấu tổ chức, quản lý vẫn thể hiện mối quan hệ hành chính giữa Tòa án cấp trên và cấp dưới. Do đó, Tòa án cấp tỉnh vẫn có sự ảnh hưởng nhất định đối với Tòa án cấp huyện. Bên cạnh đó, Tòa án cấp sơ thẩm luôn bị đặt trong trạng thái bản án, quyết định của mình có thể bị xét xử theo thủ tục phúc thẩm khi có kháng cáo, kháng nghị thì sự độc lập của Tòa án cấp sơ thẩm sẽ khó đảm bảo trong thực tế. Đây là nguyên nhân của tình trạng “thỉnh thị án”, “báo cáo án” hiện nay.

Tòa án có thể bị chi phối bởi các cơ quan thực hiện hoạt động tư pháp khác. Trong thực tiễn tố tụng, có nhiều vụ án phức tạp, cần có sự thống nhất trong đánh giá chứng cứ, nên CQĐT, VKS, Tòa án phải họp liên ngành để thống nhất trong việc đánh giá chứng cứ và đường lối xử lý vụ án trước khi đưa vụ án ra xét xử. Thực tiễn này sẽ làm ảnh hưởng đến sự độc lập của Tòa án trong việc xét xử, làm cho phán quyết của Tòa án không hoàn toàn căn cứ vào ý chí độc lập của HĐXX mà chịu ảnh hưởng bởi những quan điểm đã được trao đổi, bàn bạc với CQĐT và VKS.

Bên cạnh đó, hoạt động giám sát của HĐND cùng cấp đối với hoạt động của các cơ quan tư pháp vẫn còn một số hạn chế như: Nội dung giám sát chưa trọng tâm, hình thức giám sát chủ yếu chỉ nghe báo cáo bằng văn bản, thành phần tham gia giám sát không có chuyên môn về pháp luật hình sự; thời gian giám sát ngắn, thường bố trí một buổi; việc mời chuyên gia tư pháp tham gia các buổi giám sát còn rất hạn chế, nên qua giám sát khó phát hiện được những vi phạm thiếu sót của Tòa án trong xét xử sơ thẩm vụ án hình sự. Chưa quy định chế tài đối với hành vi không thực hiện các kết luận, kiến nghị sau giám sát. Hoạt động giám sát của Mặt trận tổ quốc cùng cấp về bảo vệ quyền con người của bị cáo nhiều lúc còn mang tính hình thức. Do những hạn chế trong công tác giám sát nên quyền của bị cáo được đảm bảo thực hiện và bảo vệ phần lớn phụ thuộc vào hoạt động của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng là Thẩm phán, Kiểm sát viên, Thư ký Tòa án.

### ***2.3.3. Yếu tố về mặt nhận thức, năng lực thực hiện của các chủ thể***

Nhận thức và năng lực thực hiện của các chủ thể là yếu tố quan trọng để bảo đảm pháp lý TTTHS đối với bị cáo trong xét xử sơ thẩm hình sự.

Thực tiễn tại các phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự trên địa bàn tỉnh Bình Thuận cho thấy, các cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã nhận thức đúng và đầy đủ về vai trò, trách nhiệm của mình trong hoạt

động TTHS, nhất là hoạt động xét xử sơ thẩm, năng lực thực thi nhiệm vụ cơ bản đáp ứng yêu cầu. Điều đó thể hiện ở hầu hết phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự thủ tục tố tụng quy định. Các bị cáo được bảo đảm quyền của mình thông qua việc trình bày các quan điểm, ý kiến của mình về các tình tiết của vụ án, văn hóa xét xử của Thẩm phán, Hội thẩm được cải thiện rõ rệt. Những vụ án lớn, nghiêm trọng được dư luận xã hội quan tâm đều được đưa ra xét xử kịp thời, bảo đảm thời hạn luật định, khắc phục tình trạng để án quá thời hạn luật định. Phần lớn vụ án quá trình tranh luận thực hiện theo đúng trình tự, thủ tục luật định, HĐXX xem xét khách quan, toàn diện toàn bộ các chứng cứ, lập luận qua phần tranh luận công khai giữa các bên tham gia tố tụng tại phiên tòa hình sự, qua đó đảm bảo các quyền của bị cáo như quyền được bào chữa, quyền được công khai xét xử, quyền được thể hiện ý kiến, quan điểm về vụ án. Hình phạt áp dụng đối với các bị cáo về cơ bản đảm bảo tính nghiêm minh, kết hợp giữa nghiêm trị với giáo dục, thuyết phục.

Bên cạnh những kết quả đạt được trên đây, nhận thức và năng lực thực hiện của các chủ thể vẫn còn một số tồn tại, hạn chế, ảnh hưởng đến việc bảo đảm pháp lý TTHS đối với bị cáo trong xét xử sơ thẩm hình sự, như:

Trong phần xét hỏi, một số thành viên HĐXX chưa thực sự chú ý làm rõ những vấn đề còn mâu thuẫn, những tình tiết quan trọng, những chứng cứ mới. Mặc dù luật quy định khi xét xử Thẩm phán và Hội thẩm nhân dân độc lập tuân theo pháp luật nhưng Hội thẩm nhân dân có tâm lý trông chờ Chủ tọa phiên tòa, không tích cực quan sát, lắng nghe việc xét hỏi của bên buộc tội và bên gỡ tội. Bên cạnh đó, một số KSV chưa tích cực, chưa chủ động trong việc xét hỏi mà coi việc xét hỏi là nhiệm vụ chính của Chủ tọa phiên tòa.

Trong phần tranh luận, HĐXX chưa tạo điều kiện cho bên gỡ tội thể hiện quan điểm, lý lẽ của mình khi họ bảo vệ quyền lợi cho bị cáo. Nhiều trường hợp HĐXX ưu tiên hơn cho KSV, hạn chế quyền tranh luận của người

bào chữa bảo vệ cho bị cáo. Một số Chủ tọa chưa chú ý đến việc điều hành quá trình tranh luận giữa các bên nên ảnh hưởng đến chất lượng xét xử, không bảo đảm được các quyền của bị cáo. Quyền bào chữa của bị cáo là phương tiện, công cụ để bị cáo bảo vệ quyền của mình nhưng trên thực tế vẫn chưa thực sự được coi trọng. Việc phải tranh luận, phải đối đáp qua lại giữa hai bên buộc tội, giữa KSV và người bào chữa chưa dân chủ.

Về phía KSV, một số vụ án KSV chưa chuẩn bị tốt việc tranh luận, không dự toán được những tình huống xảy ra, nhất là trường hợp bị cáo phản cung hoặc bị cáo và người bào chữa đưa ra chứng cứ mới nên KSV bị động và lúng túng, né tránh những vấn đề mà bên gỡ tội nêu ra trái với quan điểm của KSV, hoặc trả lời không đi thẳng vào trọng tâm của vấn đề đang tranh luận. Chính vì vậy, vai trò của KSV trong hoạt động tranh luận tại một số phiên tòa xét xử các vụ án hình sự chưa thực sự tích cực.

Về phía luật sư, đa phần các vụ án có luật sư tham gia bảo vệ cho bị cáo thể hiện tốt nhiệm vụ của mình. Tuy nhiên có trường hợp luật sư viện dẫn văn bản pháp luật chưa đúng, chưa đi thẳng và trực tiếp vào nội dung mà KSV hỏi hoặc phân tích chưa đúng về cấu thành tội phạm, động cơ, mục đích dẫn đến việc phạm tội của bị cáo, các tình tiết tăng nặng. Chưa đi sâu vào các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để tìm ra những bất hợp lý, mâu thuẫn.

## **Kết Luận Chương 2**

Bảo đảm pháp lý TTTHS đối với việc thực hiện quyền con người đối với bị cáo trong xét xử sơ thẩm vụ án hình sự là việc Nhà nước ghi nhận bằng pháp luật các quyền con người của bị cáo trong xét xử sơ thẩm vụ án hình sự; đồng thời thông qua hoạt động của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình để bị cáo được tiếp cận và có điều kiện thực hiện các quyền của họ theo quy định.

Thực tiễn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự tại tỉnh Bình Thuận cho thấy số lượng và tính chất phức tạp của các vụ án hình sự có xu hướng gia tăng. Trong bối cảnh đó, các quy định pháp luật hiện hành đã và đang tiếp tục được ban hành, bổ sung nhằm tạo các cơ chế mới nhằm đảm bảo tốt hơn quyền con người của bị cáo trong xét xử sơ thẩm. Đặc biệt là Bộ luật TTHS năm 2015 sửa đổi có hiệu lực từ ngày 01/01/2018 đã tạo cơ chế mới đảm bảo tốt hơn về quyền con người của bị cáo trong xét xử sơ thẩm vụ án hình sự.

Trong quá trình thực hiện, các cơ quan tiến hành tố tụng của tỉnh Bình Thuận đã có nhiều nỗ lực trong việc đảm bảo quyền con người và quyền tố tụng của bị cáo, thực hiện nghiêm các nguyên tắc cơ bản được quy định trong Bộ luật TTHS và các nguyên tắc cơ bản theo quy định của Bộ luật TTHS được bảo đảm thực hiện. Tuy nhiên, ở một góc độ nào đó vẫn thể hiện có nhiều nội dung pháp luật chưa hoàn thiện và các cơ quan tiến hành tố tụng chưa thực hiện tốt nghĩa vụ của mình trong việc bảo đảm cho bị cáo được thực hiện tốt nhất các quyền của mình, dẫn đến việc bảo đảm pháp lý TTHS đối với việc quyền con người đối với bị cáo trong xét xử sơ thẩm vụ án hình sự trên địa bàn tỉnh Bình Thuận thời gian qua còn bộc lộ những thiếu sót. Thực trạng này đã được phân tích và làm rõ tại Chương 2, đây là cơ sở để đưa ra các giải pháp kiến nghị tại Chương 3.

### Chương 3

## TĂNG CƯỜNG BẢO ĐẢM PHÁP LÝ TTHS ĐỐI VỚI VIỆC THỰC HIỆN QUYỀN CON NGƯỜI ĐỐI VỚI BỊ CÁO TRONG XÉT XỬ SƠ THẨM VỤ ÁN HÌNH SỰ

### 3.1. Các yêu cầu của Đảng và Nhà nước về vấn đề bảo đảm pháp lý tổ tụng hình sự đối với việc thực hiện quyền con người đối với bị cáo

Ngay từ khi ra đời, Đảng và Nhà nước ta luôn đề cao nhiệm vụ bảo đảm quyền con người, trong đó có quyền con người đối với bị cáo trong xét xử sơ thẩm vụ án hình sự. Trong cương lĩnh, Điều lệ, Nghị quyết, Chỉ thị của Đảng luôn nhấn mạnh nội dung bảo đảm quyền con người.

Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/06/2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020 đề ra phương hướng: *“Hoàn thiện các thủ tục tố tụng tư pháp, bảo đảm tính đồng bộ, dân chủ, công khai, minh bạch, tôn trọng và bảo vệ quyền con người”* [6]. Đồng thời nêu ra các nhiệm vụ cụ thể về hoàn thiện chính sách, pháp luật hình sự, pháp luật dân sự và thủ tục tố tụng tư pháp; hoàn thiện cơ chế giám sát đối với cơ quan tư pháp.

Văn kiện Đại hội XII xác định phương hướng, nhiệm vụ: *“Tiếp tục xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền XHCN... Trong tổ chức và hoạt động của Nhà nước, phải thực hiện dân chủ, tuân thủ các nguyên tắc pháp quyền và phải tạo ra sự chuyển biến tích cực, đạt kết quả cao hơn... Nhà nước được tổ chức và hoạt động theo Hiến pháp và pháp luật, quản lý xã hội bằng Hiến pháp và pháp luật, thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ. Trong những năm tới, đẩy mạnh việc hoàn thiện pháp luật gắn với tổ chức thi hành pháp luật nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả của Nhà nước pháp quyền XHCN. Bảo đảm pháp luật vừa là công cụ để Nhà nước quản lý xã hội, vừa là công cụ để nhân dân làm chủ, kiểm tra, giám sát quyền lực nhà nước. Tiếp tục đẩy mạnh việc thực hiện Chiến lược cải cách tư pháp, xây dựng nền tư pháp trong sạch,*



*vững mạnh, dân chủ, nghiêm minh, từng bước hiện đại; bảo vệ pháp luật, công lý, quyền con người, quyền công dân, bảo vệ chế độ XHCN, lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức và cá nhân... Cụ thể hóa đầy đủ các nguyên tắc hiến định về chức năng, nhiệm vụ của Tòa án nhân dân và hoạt động xét xử. Tổ chức tòa án theo thẩm quyền xét xử; bảo đảm nguyên tắc độc lập, nguyên tắc tranh tụng trong xét xử, bảo đảm quyền bào chữa của bị can, bị cáo, của đương sự”.* Đây là phương hướng, nhiệm vụ cho nhiệm kỳ 2016-2020 và những năm tiếp theo.

Tiếp thu tinh thần của Đảng về bảo đảm quyền con người, Hiến pháp năm 2013 kế thừa các bản Hiến pháp trước đó, tiếp tục khẳng định các quyền cơ bản và bổ sung nguyên tắc hạn chế quyền phù hợp với các công ước quốc tế về quyền con người mà Việt Nam là thành viên, như: Quyền con người, quyền công dân chỉ có thể bị hạn chế theo quy định của luật trong trường hợp cần thiết vì lý do quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe cộng đồng. Việc hạn chế quyền con người, quyền công dân không thể tùy tiện mà phải theo quy định của luật. Người bị buộc tội được coi là không có tội cho đến khi được chứng minh theo trình tự luật định và có bản án kết tội của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật; Người bị buộc tội phải được Tòa án xét xử kịp thời trong thời hạn luật định, công bằng, công khai. Trường hợp xét xử kín theo quy định của luật thì việc tuyên án phải được công khai. Người bị bắt, tạm giữ, tạm giam, khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử có quyền tự bào chữa, nhờ luật sư hoặc người khác bào chữa cho mình.

Để cụ thể hóa Hiến pháp 2013 và khắc phục những tồn tại của Bộ luật TTHS năm 2003, Bộ luật TTHS năm 2015 có hiệu lực từ ngày 01/01/2018, đã thể chế hóa đường lối, chủ trương chính sách của Đảng về cải cách tư pháp, trên cơ sở tham khảo kinh nghiệm quốc tế và rút kinh nghiệm từ những hạn chế khi áp dụng Bộ luật TTHS năm 2003 và thực tiễn trong đời sống xã hội.

Bộ luật TTHS năm 2015 đã bổ sung một số nguyên tắc cơ bản nhằm bảo đảm tốt hơn quyền của bị cáo trong TTHS nói chung, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự nói riêng. Cùng với những quy định cụ thể về những nguyên tắc cơ bản, mở rộng quyền của bị cáo, thì Bộ luật TTHS năm 2015 còn có cơ chế bảo vệ, thúc đẩy và phát triển quyền con người thông qua hoạt động của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng, nhất là Thẩm phán và KSV.

Theo quan điểm của Đảng và Nhà nước, bảo đảm pháp lý TTHS đối việc thực hiện quyền con người đối với bị cáo trong xét xử sơ thẩm vụ án hình sự cần phải quán triệt các nguyên tắc, quan điểm chỉ đạo sau đây:

- Bảo đảm quyền con người đối với bị cáo trong xét xử sơ thẩm vụ án hình sự phải gắn với nhiệm vụ cải cách tư pháp.
- Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng đối với hoạt động xét xử sơ thẩm vụ án hình sự nhằm bảo đảm quyền con người đối với bị cáo.
- Bảo đảm quyền con người đối với bị cáo trong xét xử sơ thẩm vụ án hình sự phải gắn với việc xây dựng và hoàn thiện pháp luật hình sự và TTHS.
- Bảo đảm quyền con người đối với bị cáo trong xét xử sơ thẩm vụ án hình sự phải gắn với nhiệm vụ kiện toàn các cơ quan tiến hành tố tụng theo yêu cầu xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN của dân, do dân, vì dân.
- Phát huy vai trò của Luật sư, các tổ chức trợ giúp pháp lý và vai trò giám sát của Mặt trận tổ quốc, cơ quan báo chí trong hoạt động xét xử sơ thẩm vụ án hình sự để bảo đảm quyền con người đối với bị cáo.
- Bảo đảm quyền con người đối với bị cáo trong xét xử sơ thẩm vụ án hình sự phải phù hợp với pháp luật quốc tế và các điều ước quốc tế mà Việt Nam đã ký kết và tham gia.

### **3.2. Giải pháp hoàn thiện và hướng dẫn áp dụng pháp luật nhằm tăng cường bảo đảm pháp lý tố tụng hình sự đối với việc thực hiện quyền con người đối với bị cáo trong xét xử sơ thẩm VAHS**

#### **3.2.1. Tiếp tục nghiên cứu hoàn thiện Bộ luật TTHS**

Hiến pháp năm 2013 ghi nhận quyền con người nói chung và quyền của người bị buộc tội trong TTHS, trong đó có quyền con người của bị cáo trong xét xử sơ thẩm vụ án hình sự, kèm theo là các quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan tiến hành tố tụng khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ. Trên cơ sở Hiến định, Bộ luật TTHS năm 2015 đã cụ thể hóa các nguyên tắc cơ bản, các quyền và nghĩa vụ của bị cáo, quy định nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

Để tiếp tục hoàn thiện chính sách, pháp luật, bảo đảm quyền con người của bị cáo trong xét xử sơ thẩm vụ án hình sự, cần rà soát hệ thống các văn bản pháp luật hiện hành trong tất cả các lĩnh vực có liên quan đến quyền con người nói chung và bảo đảm quyền của bị cáo trong hoạt động xét xử sơ thẩm các vụ án hình sự nói riêng ở các văn bản pháp luật khác nhằm bảo đảm tính thống nhất và đồng bộ; trên cơ sở đó tổng hợp, nghiên cứu và chọn lọc các quyền con người của bị cáo chưa được quy định trong Bộ luật TTHS năm 2015 để tiếp tục bổ sung, hoàn thiện trong thời gian tới.

Chẳng hạn, điểm i khoản 2 Điều 60 Bộ luật TTHS năm 2015 quy định về quyền của bị can được: “*Đọc, ghi chép bản sao tài liệu hoặc tài liệu được số hóa liên quan đến việc buộc tội, gỡ tội hoặc bản sao tài liệu khác liên quan đến việc bào chữa kể từ khi kết thúc điều tra khi có yêu cầu*”, trong khi bị cáo thì không có quyền này. Do vậy cần bổ sung quy định về quyền của bị cáo trong việc tiếp cận tài liệu chứng cứ mới phát sinh trong giai đoạn chuẩn bị xét xử tương tự như bị can để đảm bảo quyền tranh tụng của bị cáo trong xét

xử sơ thẩm vụ án hình sự. Theo đó bị cáo cũng có quyền đọc, ghi chép tài liệu liên quan đến việc buộc tội, gỡ tội để phục vụ cho việc tự bào chữa.

**3.2.2. Ban hành các văn bản quy phạm pháp luật cụ thể hóa các quy định về quyền con người và trách nhiệm đảm bảo quyền con người đối với bị cáo trong xét xử sơ thẩm vụ án hình sự**

- Thứ nhất, các ngành tư pháp trung ương cần ban hành văn bản quy phạm pháp luật cụ thể hóa các quyền của bị cáo theo Điều 61 Bộ Luật TTHS năm 2015 trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự sơ thẩm như:

+ Quyền đề nghị thay đổi người có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người giám định, người định giá tài sản, người phiên dịch, người dịch thuật;

+ Quyền đề nghị triệu tập người làm chứng, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người giám định, người định giá tài sản, người tham gia tố tụng khác và người tiến hành tố tụng tham gia phiên tòa;

+ Quyền đưa ra chứng cứ, tài liệu, đồ vật, yêu cầu;

+ Quyền trình bày ý kiến về chứng cứ, tài liệu, đồ vật liên quan và yêu cầu người có thẩm quyền tiến hành tố tụng kiểm tra, đánh giá;

- Quyền trình bày lời khai, trình bày ý kiến, không buộc phải đưa ra lời khai chống lại chính mình hoặc buộc phải nhận mình có tội;

+ Quyền đề nghị chủ tọa phiên tòa hỏi hoặc tự mình hỏi người tham gia phiên tòa nếu được chủ tọa đồng ý; tranh luận tại phiên tòa;

+ Quyền xem biên bản phiên tòa, yêu cầu ghi những sửa đổi, bổ sung vào biên bản phiên tòa và các quyền khác theo quy định của pháp luật.

+ Ban hành các văn bản quy phạm pháp luật cụ thể hóa quy định về trình tự, thủ tục xét xử sơ thẩm vụ án hình sự trong Bộ luật TTHS năm 2015 liên quan đến quyền của bị cáo.

- Thứ hai, ban hành các văn bản quy phạm pháp luật cụ thể hóa các quy định về trách nhiệm của những người tiến hành tố tụng như Thẩm phán, Hội

thẩm nhân dân, Chủ tọa phiên tòa, các thành viên HĐXX, KSV thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử tại phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự trong việc bảo đảm quyền con người của bị cáo trong xét xử sơ thẩm hình sự.

### ***3.2.3. Ban hành văn bản quy phạm pháp luật cụ thể hóa chế định bào chữa và quyền của người bào chữa trong xét xử sơ thẩm vụ án hình sự***

Ban hành các văn bản quy phạm pháp luật cụ thể hóa quy định về quyền của người bào chữa của bị cáo trong Hiến pháp năm 2013 và chế định bào chữa trong Bộ luật TTHS năm 2015.

Sớm nghiên cứu ban hành văn bản hướng dẫn và bảo đảm thực hiện quy định bảo đảm quyền của người bào chữa trong hoạt động xét xử sơ thẩm các vụ án hình sự. Bổ sung quy định về quyền của Luật sư; Bào chữa viên nhân dân; Trợ giúp viên pháp lý trong trường hợp người bị buộc tội thuộc đối tượng được trợ giúp pháp lý ở một số văn bản pháp luật liên quan như Luật Luật sư, Luật Trợ giúp pháp lý. Quy định cụ thể quyền, nghĩa vụ của luật sư khi gặp bị cáo trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự, cơ chế bảo đảm cho việc luật sư tiếp cận bị cáo.

Để đảm bảo Bộ luật TTHS năm 2015 được thi hành trong thực tế không có sự vướng mắc, các cơ quan có thẩm quyền cần nghiên cứu để có văn bản hướng dẫn về vấn đề này theo hướng sau khi kiểm tra các giấy tờ hợp lệ thì vào sổ đăng ký và thông báo cho người bào chữa, rồi hỏi ý kiến của bị cáo đang bị tạm giam, nếu bị cáo đồng ý nhờ Luật sư bào chữa thì để nguyên. Nếu bị cáo không đồng ý nhờ Luật sư bào chữa thì Cơ quan tiến hành tố tụng phải ra Quyết định hủy bỏ việc đăng ký bào chữa đối với Luật sư đã đăng ký bào chữa đồng thời ra thông báo cho Luật sư bào chữa biết. Quy định theo hướng này vừa bảo đảm đúng quy định pháp luật, vừa thuận lợi cho các cơ quan tiến hành tố tụng trong quá trình áp dụng pháp luật. Đồng thời để xác định rõ trách nhiệm của từng cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận bào

chữa và tạo điều kiện thuận lợi cho người bào chữa nên quy định rõ cơ quan có thẩm quyền cấp trong từng giai đoạn hoặc vấn đề này phải được quy định trong Nghị định hướng dẫn thi hành khi Bộ luật này có hiệu lực.

Nghiên cứu và ban hành các văn bản pháp luật nhằm thực hiện các quy định về chỉ định người bào chữa, ghi âm hoặc ghi hình có âm thanh việc hỏi cung bị can, sao chép, số hóa tài liệu trong hồ sơ vụ án hình sự, giám định tư pháp và hoạt động điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án .

***3.2.4. Ban hành các văn bản quy phạm pháp luật cụ thể hóa chế định về trình tự, thủ tục xét xử sơ thẩm vụ án hình sự trong Bộ luật TTHS năm 2015 nhằm bảo đảm quyền của bị cáo***

Quán triệt tinh thần của Hiến pháp năm 2013 và Bộ Luật TTHS năm 2015, các ngành tư pháp trung ương cần sớm ban hành văn bản quy định chi tiết về trình tự, thủ tục tố tụng liên quan đến hoạt động xét xử tại phiên tòa sơ thẩm các vụ án hình sự trong đó có nhiều quy định về quyền bị cáo và bảo đảm quyền của bị cáo được sửa đổi, bổ sung so với Bộ luật TTHS năm 2003. Để bảo đảm quyền của bị cáo trong hoạt động xét xử sơ thẩm vụ án hình sự, cần phải quán triệt và nhận thức một số vấn đề như sau:

- Trước khi mở phiên tòa: Chủ tọa phiên tòa được phân công giải quyết vụ án phải quán triệt những nội dung mới trong Bộ luật TTHS mới để bảo đảm quyền của bị cáo trong thời gian trước khi mở phiên tòa. Bổ sung quy định khi phát hiện quá trình khởi tố, điều tra, truy tố không bảo đảm quyền bào chữa của người bị bắt, bị tạm giữ, bị can thì Tòa án không mở phiên tòa, trả hồ sơ để VKS khắc phục vi phạm (Điều 280). Cần phải có những quy định cụ thể thời gian, hình thức, thủ tục để Tòa án yêu cầu bổ sung chứng cứ, triệu tập người làm chứng và những người tham gia tố tụng khác đến phiên tòa; đồng thời, có quy định về trách nhiệm của những người, cơ quan mà Tòa án yêu cầu, đề nghị cung cấp chứng cứ, tài liệu, triệu tập đến tòa khi những chủ

thể này không hợp tác, hoặc trì hoãn thực hiện yêu cầu của Tòa án dẫn đến kéo dài thời gian giải quyết vụ án. Sớm ban hành các quy chế bảo đảm sự phối hợp giữa Tòa án và VKS trong trường hợp Tòa án trả hồ sơ vụ án hình sự để VKS khắc phục vi phạm.

- Về trình tự xét hỏi: Cần tăng cường công tác phổ biến, giáo dục pháp luật để nâng cao trình độ, chuyên môn nghiệp vụ, kỹ năng và văn hóa pháp đình cho đội ngũ Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, KSV để họ loại bỏ tư tưởng phân biệt, kỳ thị đối với bị cáo. Trước mắt, cần tuyên truyền, giáo dục pháp luật về các nội dung liên quan đến trách nhiệm, nghĩa vụ của Thẩm phán và Hội thẩm nhân dân cấp tỉnh trong Luật Tổ chức TAND năm 2014. Đối với việc hỏi bị cáo, cần nhanh chóng ban hành quy định cụ thể để hướng dẫn tổ chức thực hiện những quy định về trình tự xét hỏi tại phiên tòa sơ thẩm hình sự theo Điều 309 Bộ luật TTHS năm 2015.

- Về hoạt động tranh luận: Bộ luật TTHS năm 2015 quy định cụ thể, cần phải nghiên cứu, sớm ban hành văn bản hướng dẫn thực hiện một số nội dung như: Quy định cụ thể trách nhiệm của Chủ tọa phiên tòa phải bảo đảm đề quyền của bị cáo và người bào chữa, người tham gia tố tụng khác có quyền trình bày ý kiến đưa ra chứng cứ, tài liệu và lập luận của mình để đối đáp với KSV về những chứng cứ xác định có tội, chứng cứ xác định vô tội. Cần có quy chế về Phiên tòa sơ thẩm xét xử vụ án hình sự để Chủ tọa phiên tòa không được hạn chế thời gian tranh luận, phải tạo điều kiện cho KSV, bị cáo, người bào chữa, bị hại, người tham gia tố tụng khác tranh luận, trình bày hết ý kiến nhưng có quyền cắt những ý kiến không liên quan đến vụ án và ý kiến lặp lại. Cần có quy chế quy định trách nhiệm của HĐXX. Theo đó, HĐXX phải lắng nghe, ghi nhận đầy đủ ý kiến của KSV, bị cáo, người bào chữa, người tham gia tranh luận tại phiên tòa để đánh giá khách quan, toàn diện sự

thật của vụ án. Trường hợp không chấp nhận ý kiến của những người tham gia phiên tòa thì HĐXX phải nêu rõ lý do và được ghi trong bản án.

- Về nghị án và tuyên án: Để thực hiện hiệu quả quy định về nghị án trong Bộ luật TTHS năm 2015 và để bảo đảm quyền của bị cáo cần có hướng dẫn thực hiện điều luật theo hướng: Có biện pháp giám sát hoạt động nghị án của HĐXX có đúng trình tự, thủ tục và được tiến hành đầy đủ tại phòng nghị án của Tòa án. Quy định biện pháp, và yêu cầu việc ghi biên bản nghị án. Bảo đảm biên bản nghị án có phản án đúng trình tự, nội dung thảo luận của nghị án hay không. Triển khai biện pháp thi hành quy định cấm các cơ quan, chủ thể khác can thiệp đến hoạt động HĐXX khi tiến hành nghị án. Có quy định cụ thể phân định vai trò của Chủ tọa phiên tòa trong việc cung cấp, giải thích chuyên môn, nghiệp vụ xét xử cho HTND khi nghị án tránh lợi dụng việc này để gây ảnh hưởng đến quyết định của HTND.

### **3.3. Giải pháp về mặt tổ chức, cơ chế thực hiện**

#### ***3.3.1. Đổi mới thủ tục hành chính tư pháp***

Đổi mới thủ tục hành chính tư pháp nhằm đảm bảo công khai minh bạch trong các hoạt động của Tòa án, góp phần đẩy nhanh tiến độ giải quyết án, tạo môi trường bình đẳng trong hoạt động tố tụng.

Trọng tâm của đổi mới thủ tục hành chính tư pháp là thủ tục cấp giấy chứng nhận bào chữa theo Bộ luật TTHS năm 2003 và thủ tục đăng ký bào chữa theo Bộ luật TTHS năm 2015 phải bảo đảm công khai, minh bạch, nhanh chóng, nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho bị cáo và người bào chữa thực hiện các quyền của mình trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự. Quy định rõ các chế tài cụ thể đối với Thẩm phán, Thư ký Tòa án trong việc làm trở ngại, gây khó khăn cho Luật sư khi làm thủ tục đăng ký bào chữa.



### ***3.3.2. Cải tiến phương thức chỉ đạo, điều hành của TAND, VKSND***

Cải tiến phương thức chỉ đạo, điều hành của TAND, VKSND theo hướng phân công công việc và xác định rõ trách nhiệm của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký, KSV, lãnh đạo của hai ngành Tòa án và VKS trong quá trình xét xử sơ thẩm vụ án hình sự, với các yêu cầu cụ thể như sau:

- Đối với Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa: Ngay khi có quyết định đưa vụ án hình sự ra xét xử theo thủ tục sơ thẩm, Chủ tọa phiên tòa phân công thư ký tòa án phải tiến hành gửi các quyết định tố tụng cho bị cáo. Tòa án tiến hành các biện pháp giúp đỡ bị cáo liên lạc với người thân để liên hệ với Luật sư, hoặc bào chữa viên nhân dân, trợ giúp pháp lý trước khi bị cáo tham dự phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự của TAND cấp tỉnh.

Tóm tắt, ngay khi bắt đầu giai đoạn xét xử sơ thẩm, Chủ tọa phiên tòa phải thông tin cho bị cáo hiểu các quyền của mình khi tham gia phiên tòa, phải tạo điều kiện hơn nữa khi cho bị cáo được gặp người bào chữa để trình bày ý kiến; để cho bị cáo trình bày ý kiến về đồ vật, tài liệu; để cho bị cáo trình bày ý kiến về chứng cứ. Đồng thời TAND cũng cần tạo điều kiện cho các cơ quan báo chí thông tin hoạt động xét xử.

- Đối với Hội thẩm nhân dân: Khi nhận được quyết định đưa vụ án ra xét xử và phân công tham gia xét xử sơ thẩm các vụ án hình sự của TAND, Hội thẩm nhân dân phải thu xếp thời để đánh giá hết các chứng cứ trong hồ sơ để có quyết định đúng đắn về vụ án, nhất là đối với những vụ án sơ thẩm hình sự cấp tỉnh có nhiều tình tiết phức tạp.

Trong quá trình nghị án và biểu quyết về nội dung của vụ án, để bảo vệ quyền của bị cáo khi thấy có lý do chính đáng, có chứng cứ và tài liệu, căn cứ để bị cáo được giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nhưng ý kiến của Hội thẩm nhân dân không giống như ý kiến của đa số thành viên HĐXX thì Hội thẩm nhân

dân có thể thực hiện quyền bảo lưu ý kiến của mình, yêu cầu thẩm phán lập biên bản và lưu trong hồ sơ vụ án.

- Đối với KSV: Trước khi mở phiên tòa, khi nhận được quyết định phân công thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử, KSV cần thu xếp thời gian gặp gỡ bị cáo, tìm hiểu nhân thân, hoàn cảnh gia đình của bị cáo cũng như tâm tư, nguyện vọng của bị cáo. KSV phải nghiên cứu kỹ hồ sơ vụ án (bao gồm những chứng cứ buộc tội và chứng cứ gỡ tội) trước khi phiên tòa tiến hành. KSV cần nắm chắc toàn bộ tiến trình điều tra vụ án và những tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Việc chuẩn bị tốt cho việc tranh tụng tại phiên tòa có ý nghĩa quan trọng ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng thực hành quyền công tố của KSV. Khi có đủ các chứng cứ, tài liệu cho thấy bị cáo có tình tiết giảm nhẹ thì KSV có quyền quyết định việc rút một phần (hoặc toàn bộ cáo trạng) hoặc kết luận về một tội khác nhẹ hơn tại phiên tòa.

### ***3.3.3. Nâng cao trách nhiệm của người bào chữa***

Khi nhận được quyết định chỉ định tham gia bào chữa cho bị cáo hay khi nhận lời đề nghị bào chữa từ phía bị cáo hoặc gia đình bị cáo, để bảo vệ tốt quyền lợi cho bị cáo thân chủ của mình, luật sư phải thu xếp thời gian gặp gỡ bị cáo để tìm hiểu về yêu cầu, nguyện vọng của bị cáo cũng như hoàn cảnh gia đình, nhân thân của bị cáo.

Luật sư xây dựng chi tiết bản thảo đề cương và luận cứ bảo vệ quyền của bị cáo, tập hợp những giấy tờ về nhân thân giấy tờ chứng nhận bị cáo thuộc diện chính sách ưu tiên, gia đình có công với cách mạng; các giấy tờ chứng nhận về sức khỏe và hoàn cảnh gia đình của bị cáo...

Để nắm được các tình tiết của vụ án, bảo vệ tốt các quyền của bị cáo, luật sư phải theo dõi mọi diễn biến tại phiên tòa, lắng nghe các câu hỏi của HĐXX, KSV, Luật sư đồng nghiệp và các câu trả lời của những người bị hỏi.

Kết hợp với việc nghe, Luật sư cần ghi chép những điểm quan trọng có liên quan đến việc bảo vệ cho bị cáo.

Khi tranh luận, luật sư cần chốt lại những vấn đề quan trọng nhất đã được phân tích làm rõ kiến nghị để HĐXX xem xét quyết định.

- Hoàn thiện quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức ngành TAND và VKSND trong xét xử vụ án hình sự.

### **3.4. Giải pháp nâng cao nhận thức, năng lực thực hiện của các chủ thể trong bảo đảm pháp lý tố tụng hình sự đối với việc thực hiện quyền con người đối với bị cáo trong xét xử sơ thẩm VAHS**

#### ***3.4.1. Nâng cao chất lượng đội ngũ Thẩm phán***

Để tiếp tục bảo đảm quyền của bị cáo trong hoạt động xét xử sơ thẩm các vụ án hình sự, thời gian tới cần chú ý xây dựng đội ngũ Thẩm phán, những người trực tiếp tiến hành hoạt động xét xử, trên các nhiệm vụ như sau:

- Hoàn thiện quy trình về tuyển chọn và bổ nhiệm thẩm phán.
- Xây dựng cơ chế thu hút, tuyển chọn những người có tâm huyết, đủ đức, tài vào làm việc ở trong các TAND, nhất là cấp tỉnh.
- Cần phải đổi mới công tác đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ, Thẩm phán và Hội thẩm nhân dân để tạo nguồn nhân lực có chất lượng với các hình thức như: đào tạo Thẩm phán, đào tạo cán bộ quản lý và đào tạo cán bộ khác. Kết hợp đào tạo trong nước với đào tạo ở nước ngoài để tăng số lượng và nâng cao chất lượng thẩm phán, phục vụ yêu cầu hội nhập quốc tế.
- Cần quy định thang bảng lương riêng cho thẩm phán TAND các cấp, những người trực tiếp thực hiện nhiệm vụ xét xử.

### ***3.4.2. Nâng cao chất lượng đội ngũ Hội thẩm nhân dân***

- Cần tổ chức các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ để nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ năng giải quyết vụ án hình sự sơ thẩm, bảo đảm phán quyết khách quan, khoa học, đúng người, đúng pháp luật, bảo đảm quyền của bị cáo.

- Xây dựng tiêu chuẩn về Hội thẩm nhân dân phù hợp với các cấp Tòa án trong đó có tiêu chí về Hội thẩm nhân dân tham gia xét xử sơ thẩm các vụ án hình sự phù hợp với các quy định của Luật Tổ chức TAND năm 2014.

- Tổ chức định kỳ Hội nghị tổng kết công tác xét xử của Hội thẩm nhân dân, qua đó TAND đánh giá chất lượng công tác của Hội thẩm nhân dân, kịp thời khắc phục những khó khăn vướng mắc trong việc thực hiện nhiệm vụ của Hội thẩm nhân dân, xây dựng mối quan hệ phối hợp giữa TAND với cơ quan, đơn vị cử Hội thẩm nhân dân tham gia các phiên tòa xét xử sơ thẩm các vụ án nhân dân cấp tỉnh để nâng cao tinh thần, trách nhiệm của các Hội thẩm nhân dân trong việc bảo đảm các quyền của bị cáo.

### ***3.4.3. Nâng cao chất lượng đội ngũ KSV***

KSV là những người được giao nhiệm vụ thay mặt VKSND thực hiện chức năng thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp. Việc xây dựng đội ngũ KSV trong sạch, có phẩm chất, năng lực và trách nhiệm nhằm bảo đảm hiệu lực, hiệu quả của hoạt động kiểm sát là nội dung rất quan trọng và cấp thiết, là yếu tố cốt lõi để khắc phục tình trạng oan sai, xâm phạm quyền con người trong xét xử sơ thẩm vụ án hình sự.

Trước hết cần chú trọng công tác đánh giá, bố trí, sử dụng cán bộ nhằm lựa chọn được những KSV có đủ phẩm chất, năng lực, trình độ đáp ứng yêu cầu thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao. Đánh giá, sử dụng cán bộ là một vấn đề hết sức quan trọng trong công tác cán bộ, đánh giá đúng mới bố trí sử dụng cán bộ đúng năng lực sở trường. Việc đánh giá KSV cần phải căn cứ vào hệ thống tiêu chuẩn chức danh, đối với KSV làm công tác chuyên môn,

ng nghiệp vụ, cần phải lấy trách nhiệm, số lượng và chất lượng, hiệu quả hoạt động chuyên môn, ý thức kỷ luật nghiệp vụ làm thước đo chủ yếu. Năng lực KSV được đánh giá qua khả năng nghiên cứu, nắm bắt, đề xuất, xử lý tình huống nảy sinh trong thực tiễn. Năng lực của Lãnh đạo thể hiện qua sự chỉ đạo, kiểm tra hoạt động nghiệp vụ của KSV, giải quyết các khó khăn vướng mắc trong quá trình giải quyết vụ án, quyết đoán và chịu trách nhiệm trước các quyết định tố tụng, xử lý vụ án. Lấy kết quả hoạt động nghiệp vụ làm căn cứ đánh giá chất lượng KSV và tiêu chí để đánh giá năng lực cán bộ. Cần cương quyết thực hiện việc điều chuyển cán bộ khi không đáp ứng được yêu cầu hoặc không tái bổ nhiệm KSV và chức vụ Lãnh đạo khi để xảy ra việc Tòa án tuyên không phạm tội có căn cứ.

Trên cơ sở đánh giá cán bộ, cần ưu tiên sắp xếp, bố trí KSV có trình độ, năng lực chuyên môn và khả năng phù hợp làm nhiệm vụ thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử hình sự. Đó là những KSV có phương pháp và khả năng trong nghiên cứu hồ sơ vụ án hình sự, phân tích, tổng hợp, đánh giá chứng cứ; bản lĩnh, tự tin, sắc sảo, nói năng lưu loát. Đạt những tiêu chí này thì trong hoạt động chuyên môn, việc nghiên cứu, đề xuất đường lối giải quyết vụ án trong giai đoạn điều tra, truy tố, cũng như hoạt động thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử tại phiên tòa sẽ bảo đảm chất lượng. Việc bố trí, sử dụng cán bộ phải trên cơ sở đánh giá, tuyển chọn, đảm bảo đúng tiêu chuẩn, đúng khả năng, sở trường.

Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ phải được quan tâm đặc biệt nhằm nâng cao năng lực nhận thức và khả năng vận dụng pháp luật của KSV. Trong đó, công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ theo kế hoạch tại các trường đào tạo của ngành giữ vai trò quan trọng, còn công tác tự đào tạo tại chỗ và việc tự học tập, rèn luyện của mỗi KSV giữ vai trò quyết định. Các trường của ngành cần đầu tư xây dựng giáo trình, mời giảng viên có kinh nghiệm, trình độ để

đào tạo chuyên sâu các kỹ năng về xét hỏi, lấy lời khai; các kỹ năng trong khám nghiệm hiện trường; kỹ năng đề ra yêu cầu điều tra; kỹ năng xét hỏi tại phiên tòa; kỹ năng đối đáp, tranh luận. Đây là những nghiệp vụ cơ bản của ngành nhưng cũng là những điểm hạn chế nhất của KSV. Xây dựng nội dung tập huấn chuyên sâu về công tác quản lý, điều hành hoạt động thực hành quyền công tố, kiểm sát điều tra, kiểm sát xét xử cho Lãnh đạo VKS các cấp.

Bên cạnh việc cử đi đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn theo kế hoạch của ngành thì công tác tự đào tạo tại chỗ có vai trò hết sức quan trọng. Trước hết cần lựa chọn, xây dựng hồ sơ kiểm sát các vụ án điển hình được xem là các vụ án mẫu để cán bộ, KSV học tập rút kinh nghiệm. Chú trọng công tác tổng kết thực tiễn, xây dựng chuyên đề rút kinh nghiệm để tổ chức những lớp tập huấn chuyên đề hoặc bồi dưỡng chuyên sâu nhằm trang bị kiến thức, kỹ năng cho cán bộ KSV để phục vụ yêu cầu nhiệm vụ. Tổ chức sinh hoạt nghiệp vụ khi có Thông báo rút kinh nghiệm qua những vụ án cấp trên hủy, sửa hoặc những vấn đề cần rút kinh nghiệm thông qua vụ án cụ thể đã giải quyết để KSV rút kinh nghiệm nhằm nâng cao chất lượng công tác thực hành quyền công tố, kiểm sát điều tra, kiểm sát xét xử.

Đẩy mạnh và nâng cao chất lượng tổ chức phiên tòa rút kinh nghiệm trong lĩnh vực hình sự. Khi tổ chức phiên tòa rút kinh nghiệm cần lựa chọn những vụ án có nhiều vấn đề cần xét hỏi, tranh luận để nội dung rút kinh nghiệm có chất lượng, sát thực tế, tránh tổ chức phiên tòa hình thức, chạy theo chỉ tiêu và phải làm tốt việc đánh giá, rút kinh nghiệm hoạt động nghiệp vụ sau phiên tòa. Tổ chức ghi âm, ghi hình các phiên tòa rút kinh nghiệm, phục vụ cho công tác nghiên cứu, tự đào tạo tại chỗ. Ngoài ra, có thể tự đào tạo tại chỗ thông qua việc tăng cường trao đổi kinh nghiệm giữa các địa phương, đơn vị; giữa các KSV có kinh nghiệm với các KSV trẻ để các KSV mới được bổ nhiệm tích lũy kinh nghiệm và rèn luyện kỹ năng tranh luận, xử

lý tình huống phát sinh tại phiên tòa nhằm nâng cao chất lượng thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử. Để hỗ trợ cho hoạt động đào tạo, bồi dưỡng cán bộ trong nhà trường và tự đào tạo tại chỗ, VKSND tối cao cần chủ động tập huấn các đạo luật mới và văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến hoạt động nghiệp vụ cho KSV để kịp thời nắm bắt, phục vụ cho hoạt động nghiệp vụ. Cần xác định việc tự đào tạo là trách nhiệm và là yêu cầu bắt buộc trong công tác quản lý, điều hành của Lãnh đạo VKS các cấp.

#### ***3.4.4. Nâng cao chất lượng và trách nhiệm của luật sư phiên tòa xét xử sơ thẩm các vụ án hình sự***

- Tăng cường các hoạt động bồi dưỡng luật sư về nghiệp vụ, kỹ năng hành nghề tạo sự chuyển biến mới về chất lượng đội ngũ luật sư.

- Đào tạo bồi dưỡng luật sư tư vấn và tranh tụng quốc tế, tổ chức các cuộc tọa đàm, hội thảo, tạo cơ hội cho luật sư giao lưu, trao đổi, học hỏi kinh nghiệm trong các lĩnh vực tư vấn tranh tụng.

- Tiếp tục phát triển số lượng luật sư, nâng cao chất lượng đội ngũ luật sư cả về phẩm chất và năng lực trình độ chuyên môn theo Nghị quyết số 49/NQ-TW của Bộ Chính trị, Quyết định số 1072/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về Chiến lược phát triển nghề luật sư đến năm 2020, Quyết định số 123/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về phát triển đội ngũ luật sư hội nhập.

- Thực hiện quy định nghĩa vụ tham gia bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ của luật sư theo quy định của Thông tư số 10/2014/TT-BTP của Bộ Tư pháp và hướng dẫn của Liên đoàn luật sư.

#### ***3.4.5. Bảo đảm các điều kiện vật chất, phương tiện cho các cơ quan tiến hành tố tụng trong hoạt động xét xử sơ thẩm các vụ án hình sự***

- Ngành TAND, VKSND cần thực hiện chế độ khen thưởng bằng vật chất tương xứng với hiệu quả công tác, chất lượng, số lượng các vụ án hình sự

sơ thẩm đã xét xử hàng năm. Tăng cường công tác quản lý tài chính, đảm bảo chi tiêu hiệu quả, tiết kiệm.

- Chăm lo đến đời sống cho các thẩm phán, KSV những người trực tiếp làm nhiệm vụ xét xử sơ thẩm các vụ án hình sự;

- Duy trì, đẩy mạnh các phong trào thi đua khen thưởng để phát huy tính tích cực trong đội ngũ cán bộ TAND, VKSND.

#### ***3.4.6. Tăng cường phối hợp trong công tác giám sát hoạt động xét xử***

Tăng cường công tác giám sát của các cơ quan Nhà nước, tổ chức xã hội, của nhân dân đối với hoạt động xét xử của thẩm phán, nhất là giám sát của Hội đồng nhân dân và Mặt trận tổ quốc. Phát huy quyền làm chủ của nhân dân đối với hoạt động tư pháp, Hội đồng nhân dân, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên của mặt trận cần tập trung làm tốt công tác giám sát, động viên nhân dân phát hiện những hạn chế, khuyết điểm trong hoạt động tư pháp, qua đó kiến nghị việc khắc phục, sửa chữa.

Tăng cường vai trò của các phương tiện thông tin đại chúng trong việc tuyên truyền, cung cấp thông tin về hoạt động tư pháp. Trong một nền tư pháp của nhân dân thì nhân dân phải được tiếp cận thông tin về hoạt động xét xử và giám sát hành vi của các thẩm phán. Các tổ chức chính trị - xã hội có thể đóng vai trò giám sát tư pháp để làm tăng trách nhiệm của các thẩm phán.

Thực hiện tốt chủ trương công khai hóa bản án của Tòa án, để người dân kiểm tra việc thực thi pháp luật của cơ quan tư pháp, của Tòa án. Qua đó để các Thẩm phán phải nâng cao năng lực chuyên môn để tuyên bản án chính xác, đúng đường lối chính sách, đúng pháp luật được xã hội thừa nhận.

### **Kết Luận Chương 3**

Từ những vấn đề lý luận chung được nghiên cứu ở Chương 1, những phân tích đánh giá thực trạng ở Chương 2. Tại Chương 3 tác giả đã đưa ra những định hướng và quan điểm của Đảng và Nhà nước được thể hiện trong



Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/06/2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020; Văn kiện Đại hội XII của Đảng.

Trên cơ sở đó đưa ra các giải pháp hoàn thiện và hướng dẫn áp dụng pháp luật, như tiếp tục nghiên cứu hoàn thiện các quy định của Bộ luật TTHS. Ban hành các văn bản quy phạm pháp luật cụ thể hóa các quy định về quyền con người và trách nhiệm đảm bảo quyền con người đối với bị cáo trong xét xử sơ thẩm vụ án hình sự; cụ thể hóa chế định bào chữa và quyền của người bào chữa trong xét xử sơ thẩm vụ án hình sự. Ban hành các văn bản quy phạm pháp luật cụ thể hóa chế định về trình tự, thủ tục xét xử sơ thẩm vụ án hình sự trong Bộ luật TTHS năm 2015 nhằm bảo đảm quyền của bị cáo. Đồng thời đề ra các giải pháp về mặt tổ chức, cơ chế thực hiện, như đổi mới thủ tục hành chính tư pháp; cải tiến phương thức chỉ đạo, điều hành của TAND, VKSND; nâng cao trách nhiệm của người bào chữa.

Các giải pháp về hoàn thiện pháp luật, đổi mới cơ chế là cần thiết, nhưng vấn đề quan trọng là nhận thức, năng lực thực hiện của các chủ thể, những người trực tiếp tiến hành tố tụng, hoạt động của họ tác động trực tiếp đến quyền con người của bị cáo. Do vậy, tác giả cũng đưa ra các giải pháp nâng cao nhận thức, năng lực thực hiện của các chủ thể như đội ngũ Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, KSV; nâng cao chất lượng và trách nhiệm của Luật sư phiên tòa xét xử. Bảo đảm các điều kiện vật chất, phương tiện cho các cơ quan tiến hành tố tụng trong hoạt động xét xử sơ thẩm các vụ án hình sự; tăng cường phối hợp trong công tác giám sát hoạt động xét xử.

## KẾT LUẬN

Luận văn “*Bảo đảm pháp lý TTHS đối với việc thực hiện quyền con người đối với bị cáo trong xét xử sơ thẩm vụ án hình sự từ thực tiễn tỉnh Bình Thuận*” đã xây dựng được khái niệm quyền con người của bị cáo trong xét xử sơ thẩm vụ án hình sự và bảo đảm pháp lý TTHS đối với việc thực hiện quyền con người đối với bị cáo trong xét xử sơ thẩm vụ án hình sự. Trên cơ sở đó phân tích các nội dung của bảo đảm pháp lý TTHS đối với việc thực hiện quyền con người đối với bị cáo trong xét xử sơ thẩm vụ án hình sự; đó là bảo đảm bằng việc quy định các quyền của bị cáo và nghĩa vụ của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong xét xử sơ thẩm vụ án hình sự; các yếu tố bảo đảm pháp lý TTHS đối với bị cáo trong xét xử sơ thẩm vụ án hình sự gồm bảo đảm về mặt cơ sở pháp lý, cơ chế thực hiện và nhận thức, năng lực thực hiện của chủ thể tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng.

Bảo đảm pháp lý TTHS đối với bị cáo trong xét xử sơ thẩm vụ án hình sự phải bằng pháp luật, thông qua các quy định của pháp luật để ghi nhận, quy định những quyền của bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm; đồng thời, các chủ thể phải thực hiện trách nhiệm, nghĩa vụ, để bảo đảm các bị cáo thụ hưởng các quyền của họ theo các giai đoạn xét xử sơ thẩm các vụ án hình sự.

Sử dụng phương pháp so sánh, phân tích, tổng hợp, điều tra xã hội học, phỏng vấn và một số phương pháp chuyên ngành khác, Luận văn đã đánh giá thực trạng bảo đảm pháp lý TTHS đối với việc thực hiện quyền con người đối với bị cáo trong xét xử sơ thẩm vụ án hình sự bằng các quy định pháp luật và thông qua việc thực hiện, nghĩa vụ, trách nhiệm của các chủ thể tiến hành tố tụng và chủ thể tham gia tố tụng. Bên cạnh những kết quả đạt được, hoạt động bảo đảm pháp lý TTHS đối với việc thực hiện quyền con người đối với bị cáo trong xét xử sơ thẩm vụ án hình sự còn tồn tại những bất cập.

Trong thời gian tới, để tăng cường bảo đảm pháp lý TTTHS đối với việc thực hiện quyền con người đối với bị cáo trong xét xử sơ thẩm vụ án hình sự cần triển khai thực hiện đồng bộ các giải pháp bảo đảm quyền của bị cáo cả trong hoạt động xây dựng, cụ thể hóa quy định của Hiến pháp, Bộ luật TTTHS năm 2015 và hoạt động tổ chức thực hiện nghĩa vụ trách nhiệm của các chủ thể tiến hành tố tụng và chủ thể tham gia tố tụng có liên quan.

Bảo đảm pháp lý TTTHS đối với việc thực hiện quyền con người đối với bị cáo trong xét xử sơ thẩm vụ án hình sự là vấn đề rộng và chưa được nghiên cứu nhiều trong khoa học pháp lý nước ta. Đây là vấn đề khó nhưng rất quan trọng cả về lý luận và thực tiễn, nên tác giả quyết định chọn đề tài trên làm Luận văn Thạc sĩ Luật học. Với khả năng có hạn, tác giả đã cố gắng nghiên cứu và đã góp phần làm sáng tỏ thêm một số vấn đề lý luận chung, phân tích các quy định của BLTTTHS năm 2003, BLTTTHS năm 2015 và đánh giá thực tiễn bảo đảm pháp lý TTTHS đối với việc thực hiện quyền con người đối với bị cáo trong xét xử sơ thẩm vụ án hình sự, từ thực tiễn tỉnh Bình Thuận. Tìm ra được những hạn chế, bất cập về bảo đảm pháp lý TTTHS đối với việc thực hiện quyền con người đối với bị cáo trong xét xử sơ thẩm vụ án hình sự. Luận văn đã đưa ra được số giải pháp nhằm hoàn thiện các quy định của pháp luật và tăng cường bảo đảm pháp lý TTTHS đối với việc thực hiện quyền con người đối với bị cáo trong xét xử sơ thẩm vụ án hình sự.

Tác giả hy vọng, các kiến nghị trong Luận văn sẽ góp phần vào việc hoàn thiện pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam và nâng cao hiệu quả áp dụng các quy định về bảo đảm quyền con người trong thực tiễn. Tuy nhiên đây là vấn đề phức tạp, do kiến thức có hạn nên Luận văn khó tránh khỏi khiếm khuyết, rất mong nhận được sự đóng góp, chỉ dẫn của các thầy, cô giáo, các nhà khoa học, đồng nghiệp và độc giả quan tâm.

## DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Phạm Ngọc Anh (Chủ biên) (2005), *Tư tưởng Hồ Chí Minh về quyền con người*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội;
2. Trần Hưng Bình (2014), *Bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người chưa thành niên theo pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam*, Luận án tiến sỹ luật học, Viện Khoa Học và Xã Hội;
3. Bộ chính trị (2002) *Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 02/1/2002 về một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới*;
4. Bộ chính trị (2005), *Nghị quyết số 48-NQ/TW ngày 24/5/2005 Về Chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020*, Hà Nội.
5. Bộ chính trị (2005), *Nghị quyết số 49/NQ-TW ngày 02/6/2005 về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020*”, Hà Nội;
6. Bộ Công an (2011), *Thông tư số 70/TT-BCA ngày 7/10/2011 quy định chi tiết thi hành các quy định của BLTTHS liên quan đến việc bảo đảm quyền bào chữa trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự*;
7. BCA-BTP- BQP- BTC-VKSNDTC-TANDTC (2013), *Thông tư liên tịch số 11/2013 / TTLT ngày 04/07/2013 Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về trợ giúp pháp lý trong hoạt động tố tụng*.
8. BCA-BTP-BQP-BTC-VKSNDTC-TANDTC(2007), *Thông tư liên tịch số 10 / 2007 /TTLT ngày 28 tháng 12 năm 2007 Hướng dẫn áp dụng một số quy định về trợ giúp pháp lý trong hoạt động tố tụng*;
9. Bộ Tư pháp (1950), *Nghị định số 01/NĐ-VY ngày 12-01-1950 quy định chi tiết tiêu chuẩn của BCVND*;
10. Các cơ quan tiến hành tố tụng tỉnh Bình Thuận (các năm 2014, 2015, 2016, 2017). Báo cáo công tác năm và các thông báo rút kinh nghiệm trong giải quyết án;

11. Lê Văn Cẩm (2006), *Những vấn đề lý luận về bảo vệ quyền con người bằng pháp luật trong lĩnh vực tư pháp hình sự*, Tạp chí TAND, (số 13), tr 13-15;
12. Lê Văn Cẩm (chủ trì) (2013), *Quyền con người trong lĩnh vực tư pháp hình sự: Lý luận, thực trạng và hướng hoàn thiện pháp luật*, Đề tài trọng điểm cấp Đại học Quốc gia Hà Nội;
13. Lê Văn Cẩm, Nguyễn Ngọc Chí, Trịnh Quốc Toàn (đồng chủ trì) (2004), *Bảo vệ quyền con người bằng pháp luật hình sự và pháp luật tố tụng hình sự trong giai đoạn xây dựng Nhà nước pháp quyền Việt Nam*, Đề tài khoa học cấp Đại học quốc gia Hà Nội;
14. Nguyễn Ngọc Chí (2009), *Bảo vệ quyền con người bằng pháp luật tố tụng hình sự*, Tạp chí Khoa học, chuyên san Luật học, (số 23(2)); tr12-15;
15. Nguyễn Ngọc Chí (2001), *Giáo trình luật Tố tụng Hình sự*, Nhà xuất bản Tư Pháp - Hà Nội;
16. Nguyễn Ngọc Chí (chủ trì) (2011), *Luật tố tụng hình sự Việt Nam với việc bảo vệ quyền con người*”, Đề tài nghiên cứu khoa học, Đại học Quốc Gia Hà Nội;
17. Chính phủ (2013), *Nghị định số 14/2013 ND-CP ngày 05/02/2013 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 07/2007/ND-CP ngày 12/01/2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Trợ giúp pháp lý*;
18. Cục thi hành án dân sự (các tỉnh Bình Phước, Đồng Nai, Bình Thuận, Kiên Giang, Đồng Tháp, thành phố Hồ Chí Minh). *Báo cáo về tình hình thi hành án dân sự (từ 1/10/2015 – 30/6/2017)*;
19. Nguyễn Đăng Dung (Chủ biên) (2004), *Thế chế tư pháp trong Nhà nước pháp quyền*, NXB Tư pháp, Hà Nội;

20. Nguyễn Đăng Dung - Vũ Công Giao - Lã Khánh Tùng (chủ biên), (2011), *Giáo trình lý luận và pháp luật về quyền con người*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội;

21. Nguyễn Đăng Dung, Vũ Công Giao, Lã Khánh Tùng (Đồng chủ biên) (2015), *Giáo trình lý luận và pháp luật về quyền con người*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội;

22. Đảng cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội;

23. Nguyễn Tiến Đạt (2007), *Bảo đảm quyền con người của người bị tạm giữ, bị can, bị cáo trong tố tụng hình sự Việt Nam*, Tạp chí Tòa án nhân dân, (Số 11), tr 20-22;

24. Trần Văn Độ (2010), *Bảo vệ quyền con người của người bị tạm giữ, bị can, bị cáo trong tố tụng hình sự đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp*, Tạp chí Khoa học pháp lý, Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh, (số 6(61)), tr24-27;

25. Trần Ngọc Đường (2004), *Quyền con người, quyền công dân trong Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội;

26. Nguyễn Sơn Hà (2013), *Hoàn thiện mô hình tố tụng hình sự Việt Nam theo hướng bảo đảm quyền của bị can, bị cáo*, Tạp chí Nhà nước và Pháp luật (số 2), tr25-30;

27. Phạm Hồng Hải (1999), *Bảo đảm quyền bào chữa của người bị buộc tội*, NXB Công an nhân dân, Hà Nội;

28. Đoàn Thị Ngọc Hải (2015), *Bảo vệ quyền con người trong tố tụng hình sự - một số vấn đề cần trao đổi*, Nghiên cứu trao đổi, báo điện tử của Bộ Tư pháp;

29. Hoàng Văn Hào và Phạm Khiêm Ích (chủ biên) (1995), *Quyền con người trong thế giới hiện đại*, Viện Thông tin Khoa học Xã hội, Hà Nội;

30. Nguyễn Quang Hiền (2008), *Bảo vệ quyền con người trong tố tụng hình sự Việt Nam*, Luận án Tiến sĩ Luật học, Viện Nhà nước và pháp luật, Hà Nội;

31. Nguyễn Như Hiền (2014), *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về bảo vệ các quyền con người bằng pháp luật Tố tụng Hình sự Việt Nam*, Luận văn Thạc sĩ ngành luật hình sự và tố tụng hình sự, trường đại học quốc gia Hà Nội;

32. Phan Trung Hoài (2016), *Những điểm mới về chế định bào chữa trong Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015*, Nxb Chính trị Quốc Gia – Sự thật;

33. Nguyễn Huy Hoàng (2005), *Đảm bảo quyền con người trong hoạt động tư pháp ở Việt Nam*, Luận án Tiến sĩ Luật học, Viện Nhà nước và pháp luật, Hà Nội;

34. Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao (2004), *Nghị quyết số 03/2004/NQ-HĐTP ngày 02/10/2004 hướng dẫn thi hành một số quy định trong Phần thứ nhất “Những quy định chung” của BLTTHS năm 2003*;

35. Lê Võ Thanh Hùng(2016), *Quyền của bị can, bị cáo theo pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam từ thực tiễn thành phố Đà Nẵng*, Luận văn Thạc sĩ ngành luật hình sự và tố tụng hình sự, Hà Nội;

36. Đinh Thế Hưng (2010), *Tham luận Bảo vệ quyền con người trong Tố tụng hình sự*, Viện Nhà nước và Pháp luật;

37. Nguyễn Mạnh Kháng (2007), *Thực hiện dân chủ trong tố tụng hình sự trong bối cảnh cải cách tư pháp ở nước ta hiện nay*, Tạp chí Nhà nước và pháp luật, (số 229), tr34-35;

38. Tường Duy Kiên (2004) “*Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam với việc bảo đảm quyền con người*”, Tạp chí Nghề luật (số 8), tr25-27;

39. Hoàng Hồng Liên (2016), *Bảo vệ quyền con người trong việc áp dụng biện pháp tạm giữ, tạm giam từ thực tiễn tỉnh Bắc Ninh*, Luận văn Thạc sĩ, Hà Nội;
40. Đinh Văn Mậu (2003), *Quyền lực Nhà nước và quyền con người*, Nxb Tư pháp, Hà Nội;
41. Đoàn Hải Nam (2016), *Bảo đảm quyền con người của bị cáo trong xét xử sơ thẩm vụ án hình sự từ thực tiễn thành phố Hà Nội*, Học viện Khoa học xã hội, Hà Nội;
42. Võ Thị Kim Oanh (chủ biên) (2010), *Bảo đảm quyền con người trong tư pháp hình sự Việt Nam*, NXB Đại học Quốc Gia thành phố Hồ Chí Minh;
43. Nguyễn Thái Phúc (2010), *Bảo đảm quyền con người trong tố tụng hình sự trong điều kiện xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam*, Tài liệu hội thảo quốc tế về quyền con người trong tố tụng hình sự, Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Ủy ban nhân quyền Australia;
44. Quốc hội (1988), *Bộ luật tố tụng hình sự năm 1988*;
45. Quốc hội (2003), *Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003*;
46. Quốc hội (2015), *Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015*;
47. Quốc hội, *Hiến pháp nước Cộng hòa XHCN Việt Nam năm 1946, năm 1959, năm 1980, năm 1992 và năm 2013*;
48. Hoàng Thị Sơn (2003), *Thực hiện quyền bào chữa của bị can, bị cáo trong TTHS*, Luận án tiến sĩ luật học, Đại học Luật Hà Nội;
49. Chu Hồng Thanh (1997), *Quyền con người và luật quốc tế về quyền con người*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội;
50. Ngô Thị Thanh (2013), *Quyền con người trong hoạt động xét xử vụ án hình sự*, Luận văn Thạc sĩ Luật học, Khoa Luật Đại học Quốc gia Hà Nội;



51. Trần Quang Tiệp (2004), *Bảo vệ quyền con người trong luật hình sự, luật tố tụng hình sự Việt Nam*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội;
52. Tòa án nhân dân tối cao (2015-2017), *Báo cáo của TAND tối cao về tổng hợp kết quả giải quyết án dân sự, hình sự trên địa bàn cả nước, (báo cáo các năm 2015, 2016, 2017), ban hành theo Biểu số 05/TK/THA.T1*;
53. Lại Văn Trình (2011), *Bảo đảm quyền con người của người bị tạm giữ, bị can, bị cáo trong tố tụng hình sự Việt Nam*, Luận án tiến sĩ luật học, Đại học Luật thành phố Hồ Chí Minh;
54. Trường Đại học luật Hà Nội (2008), *Giáo trình luật tố tụng hình sự*, NXB Công an Nhân dân, Hà Nội;
55. VKSND tỉnh Bình Thuận (2015-2017), *Báo cáo công tác năm của VKSND tỉnh Bình Thuận (các năm 2015, 2016, 2017)*;
56. Viện nghiên cứu khoa học Pháp lý (1992), *Bình luận khoa học Bộ luật TTHS*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội;
57. Viện Ngôn ngữ học (1999), *Đại Từ điển Tiếng Việt*, NXB Văn hoá, Thông tin, Hà nội;
58. Võ Khánh Vinh (chủ biên) (2004), *Bình luận khoa học BLTTHS*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội;
59. Võ Khánh Vinh (chủ biên) (2010), *Quyền con người, tiếp cận đa ngành, liên ngành*, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội.